

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT THÁNH ĐỨC ĐẠI QUAN

(Nhận định tổng quát về thánh đức của Bồ Tát Địa Tạng)

Hoằng Nhất Đại Sư biên thuật

Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa

---o0o---

Nguồn

http://www.niemphat.net

Chuyển sang ebook 27-12-2011

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

Mục Lục

Lời Tựa

A. Chương thứ nhất: Thích Danh Biện Dị

B. Chương thứ hai: Đại ý kinh Thập Luân

A.1. Phẩm Tựa thứ nhất

A.2. Phẩm Thập Luân thứ hai

A.3. Phẩm Vô Y Hạnh thứ ba

A.4. Phẩm Hữu Y Hạnh thứ tư

A.5. Phẩm Sám Hối thứ năm

A.6. Phẩm Thiệt Nghiệp Đạo, thứ sáu

A.7. Phẩm Phước Điền Tướng thứ bảy

A.8. Phẩm Hoạch Ích, Chúc Lụy (Đạt lợi ích, dặn dò) thứ tám

C. Chương thứ ba: Đại ý kinh Chiêm Sát

D. Chương thứ tư: Đại ý kinh Bốn Nguyên

D.1. Phẩm thứ nhất: Đạo Lợi Thiên Cung Thần Thông

D.2. Phẩm thứ hai: Phân Thân Tập Hội

D.3. Phẩm thứ ba: Quán Chúng Sanh Nghiệp Duyên

D.4. Phẩm thứ tư: Diêm Phù Chúng Sanh Nghiệp Cầm

D.5. Phẩm thứ năm: Địa Ngục Danh Hiệu

D.6. Phẩm thứ sáu: Như Lai Tán Thán

D.7. Phẩm thứ 7: Lợi Ích Tồn Vong

D.8. Phẩm thứ tám: Diêm La Vương Chúng Tán Thán

D.9. Phẩm thứ chín: Xưng Phật Danh Hiệu

D.10. Phẩm thứ 10: Giáo Lượng Bồ Thí Công Đức Duyên

D.11. Phẩm thứ 11: Địa Thần Hộ Pháp

D.12. Phẩm thứ 12: Kiến Văn Lợi Ích

D.13. Phẩm thứ 13: Chúc Lụy Nhân Thiên

E. Chương thứ năm: Đại ý [các kinh] tán dương Pháp Thân, các nghi quỹ cùng Diệt Định Nghiệp Chân Ngôn

- F. Chương thứ sáu: Các kinh lưu truyền khác
 - F.1. Kim Cang Tam Muội Kinh
 - F.2. Pháp hội Tu Di Tạng trong kinh Đại Tập
 - F.3. Các kinh khác
- G. Chương thứ bảy: Chú sớ của các nhà
- H. Chương thứ tám: Các nghi thức sám hối của các nhà
 - 1. Tán Lễ Địa Tạng Bồ Tát Sám Nguyện Nghi
 - 2. Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Hạnh Pháp
- J. Chương thứ chín: Các tác phẩm tán thuật của mọi nhà
- K. Chương thứ mười: Vấn đáp trừ nghi

---o0o---

Lời Tựa

Tháng Chín năm Dân Quốc 21 (Nhâm Thân –1932), tôi sống tại Trĩ Sơn; cư sĩ Lý Viên Tịnh gửi thư nhờ tôi cung cấp tài liệu để giúp ông biên soạn tác phẩm Cửu Hoa Sơn Chí. Tôi tự nghĩ từ khi mình thế phát xuất gia đến nay, chí tâm quy y Địa Tạng Bồ Tát suốt 15 năm, thọ ân Ngài rất hậu, từ lâu đã muốn gom chép những giáo tích của Ngài để lưu truyền trong đời, tán dương thánh đức ngõ hầu báo đáp thâm ân. Nay chính là đúng lúc vậy. Tháng Hai năm sau, vân du Nam Môn, trụ ở Vạn Thọ Nham, bèn thu chép những sự việc, gộp thành một cuốn đặt tên là Địa Tạng Bồ Tát Thánh Đức Đại Quan, giao cho thư cục khắc bản in riêng để lưu hành và tặng cho cư sĩ Lý Viên Tịnh dùng làm tài liệu.

Cận đại, các sách tán dương, diễn thuật sự tích Bồ Tát Địa Tạng của Tăng, tục rất nhiều; nhưng đa số chỉ dựa vào mỗi riêng mình kinh Địa Tạng Bồ Tát Nguyện. Nay tôi duyệt kỹ Đại Tạng và các trước tác của mọi nhà, những điều trước đây người khác đã nói rõ thì tôi chỉ trình bày đại lược, chẳng hạn như ý chỉ lớn lao của bốn nguyện, sự ứng tích của Bồ Tát nơi núi Cửu Hoa v.v... Những điều người khác chưa đề cập đến hay còn thiếu sót thì tôi bổ túc, chẳng hạn như các bài văn khác. Chỉ tiếc là trong suốt mấy mươi năm qua, đối với những chuyện hóa tích của Bồ Tát được ghi chép trong Đại Tạng và các tác phẩm của các nhà, tôi vẫn lưu ý, nhưng chưa hề ghi chép, chọn lọc tỉ mỉ, đến nay phải biên soạn gấp, chẳng thể kiểm chứng trọn vẹn được, đành cậy vào trí nhớ để lược chép thành một quyển, khó lòng tránh khỏi sai sót, lầm lẫn.

Nói chung, tác phẩm này được chia thành 10 chương:

1) Chương thứ nhất là Thích Danh, Biện Dị (giải thích danh hiệu, bàn về những điểm sai khác): Do các kinh khi truyền dịch danh hiệu của ngài

Địa Tạng, văn tự nhiều ít, có sai khác đôi chút, nay tôi nêu ra hết, chỉ ra những điểm sai biệt.

2) Chương thứ hai là thuật đại ý kinh Thập Luân, nêu bật nghĩa kinh, chép ra tường tận. Phần kinh văn xưng tán công đức của Địa Tạng Bồ Tát trong phẩm Tự chép ra rất dài, chỉ mong những người thấy nghe đều hoan hỷ lớn, cùng sinh lòng tin sâu xa, chí tâm quy y.

3) Chương thứ ba luận về đại ý kinh Chiêm Sát, cũng trích lục tường tận.

4) Chương thứ tư luận về đại ý kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, tôi theo đúng cuốn Duyệt Tạng Tri Tân của ngài Ngẫu Ích, sao lục phần cương yếu và trích lục 2 tiết kinh văn phụ thuộc để chỉ rõ nguyên nhân tại sao ngày nay chúng ta được thọ ân của Bồ Tát.

5) Chương thứ năm tán thán Pháp Thân, đại ý của nghi quỹ và chân ngôn Diệt Định Nghiệp.

6) Chương thứ sáu luận về những bản kinh khác đề cập đến Bồ Tát.

7) Chương thứ bảy nói về các bản chú số của mọi nhà.

8) Chương thứ tám nói về các nghi thức sám hối của mọi nhà soạn.

9) Chương thứ chín nói về các tác phẩm tán thán, biên thuật của mọi nhà, trích dẫn nguyên văn cả 19 đoạn trong tác phẩm Linh Phong Tán Địa Tạng Bồ Tát Biệt Tập, chiếm cả 10 trang giấy, để thấy đại sư Ngẫu Ích cả một đời mổ tim vẩy máu, quy ngưỡng, tin tưởng, tán dương Bồ Tát, ngõ hầu kẻ hậu học noi gương Bồ Tát tinh tấn tu trì, thiệu long quang đại.

10) Chương thứ mười là vấn đáp quyết nghi, chỉ gồm có bốn câu hỏi, lẽ ra chẳng phải chỉ có vậy, tạm đành khuyết lược.

Lúc sao lục, vì thời gian gấp rút chẳng thể kiểm chứng tường tận, nên hình thức trình bày cũng chẳng thể hoàn thiện được....¹ Trước ngày cảo bản hoàn thành 2 hôm, cư sĩ Lư Thế Hậu cắt ngón tay lấy máu vẽ một bức thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát, đem dâng lên chùa. Thắng duyên khéo gặp, thật chẳng thể nghĩ bàn nên tôi cho chụp ảnh cẩn thận, đăng ở đầu sách này. Lư cư sĩ, tên tự là Cù Nhi, giỏi hội họa, xa nhà theo hầu cha già đang sống ở Tư Minh. Ông thiên tánh thuần hậu, thờ song thân nổi tiếng hiếu nghĩa. Cũng có lẽ là từ nhiều kiếp đến nay, ông Lư thường được Bồ Tát Địa Tạng giáo hóa đó chăng?

Sa môn Hoằng Nhất Diễn Âm trần thuật tại chùa Đại Hoa Nghiêm ở Vĩnh Ninh

Địa Tạng Bồ Tát Thánh Đức Đại Quan
Vĩnh Ninh Đại Hoa Nghiêm tự Sa môn Hoằng Nhất Diễn Âm kính soạn

---o0o---

A. Chương thứ nhất: Thích Danh Biện Di

Tên Bồ Tát đọc theo tiếng Phạn là Khất Xoa Đê Nghiệt Sa (Ksitigarbha), Hán dịch là Địa Tạng. Nhưng trong các bản kinh truyền dịch, tên Ngài cũng có chỗ được dịch dài hơn, kể ra như dưới đây:

a) Địa Tạng Bồ Tát. Danh hiệu này là tên thông dụng trong các bản dịch kinh. Ý nghĩa chữ “Địa Tạng” như trong Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh Sớ của đại sư Ngẫu Ích đã giảng rộng.

b) Danh hiệu Đại Địa Tạng Bồ Tát phát xuất từ phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm bản dịch đời Tấn.

c) Danh xưng Trì Địa Tạng Bồ Tát phát xuất từ kinh Phật Thuyết La Ma Già được dịch vào đời Tây Tần. Kinh này chính là bản dịch khác của phẩm Nhập Pháp Giới.

d) Danh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát phát xuất từ kinh Đại Thừa Bản Sanh Tâm Địa Quán dịch vào thời Đường. Ngài Lai Châu đời Thanh giải thích: “Chấp chương U Minh, tùy nguyện tự tại; vì thế được tôn là Vương”. Nghĩa chữ Vương rất rộng, lời giải thích trên chưa được trọn vẹn.

---o0o---

B. Chương thứ hai: Đại ý kinh Thập Luân

Cả ba chương nói về đại ý các kinh sau đây đều dựa theo tác phẩm Duyệt Tạng Tri Tân của đại sư Ngẫu Ích đời Minh, chỉ tăng giảm đôi chút.

Kinh này có hai bản dịch:

1) Phật Thuyết Đại Phương Quảng Thập Luân Kinh, 8 quyển, dịch vào thời Bắc Lương, mất tên người dịch, cùng một bản gốc với bản dịch sau, nhưng lời văn thiếu sót, sơ lược.

2) Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh, 10 quyển, ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường.

Ở đây, tôi căn cứ vào bản này, lược chép đại ý.

Người chấp bút cho bản dịch là sư Đại Thừa Phương, ngài cũng là người soạn bài tựa đặt ở đầu kinh. Sư cho rằng: Kinh Thập Luân nhằm để giáo hóa chúng sanh thời Mạt Pháp. Kinh minh thị điều gì? Phật thấy đời ác Mạt Pháp, cách Thánh đã xa, bại căn (căn cơ bại hoại) giống như đồ đựng hư hỏng, kẻ không kiến cây vào hiểu biết sanh vọng tưởng, chìm đắm, say sưa ngũ dục khác nào ruộng cạn, mạ chẳng trở được, phóng túng tạo tác thập ác trạ hồ thân cấu uế hôi thối. Vì thế, kinh này gột rửa tâm thân hôi thối, mở

con mắt lừa, đúc nặn lại đồ đựng đã hư vỡ, vun bón cho ruộng cần được phì nhiêu. Xem mấy lời ấy đã tạm biết được những căn cơ được giáo hóa bởi kinh này vậy.

---o0o---

A.1. Phẩm Tự thứ nhất

Phật ngự tại núi Khư La Đề Da, từ phương Nam có đám mây trôi tới, tuôn xuống các thứ cúng dường, diễn các tiếng Pháp; trong tay mỗi người tham dự pháp hội đều có Như Ý châu tuôn ra các báu, phóng quang khắp cả mười phương cõi. Họ lại thấy địa đại trên thân mình tăng thêm nhiều, nặng nề, cứng chắc, khó giở thân lên nổi. Có vị Thiên Đế Thích tên là Vô Cấu Sanh, dùng kệ hỏi Phật. Phật vì ông ta rộng khen công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Kinh chép:

“Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn bảo Vô Cấu Sanh Đế Thích rằng:

- Các ông nên biết: Có Bồ Tát Ma Ha Tát tên là Địa Tạng đã từng trong vô lượng vô số đại kiếp, vào đời trước ác, thành thực hữu tình trong thế giới không có Phật. Nay Ngài và tám mươi trăm ngàn na-dữu-đa tần-bạt-đa-la Bồ Tát cùng muốn đến đây lễ kính, thân cận, cúng dường ta. Vì thấy pháp hội Đại Tập sanh tâm tùy hỷ nên Ngài cùng các quyến thuộc hiện hình tướng Thanh Văn, sắp đến nơi đây, bèn dùng sức thần thông hiện ra sự biến hóa ấy.

Vị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát này có vô số vô lượng công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn để trang nghiêm; hết thấy thế gian, Thanh Văn, Độc Giác chẳng thể suy lường được nổi [các công đức ấy]. Vị Đại Bồ Tát này là kho tàng các công đức vi diệu, là xuất xứ của các cửa báu giải thoát, là trông mắt sáng sạch của các Bồ Tát, là người dẫn đường cho các thương nhân đạt đến Niết Bàn. Ngài như châu Như Ý tuôn ra các tài bảo, tùy theo lòng mong cầu đều được thỏa mãn trọn vẹn.

Ví như bến bãi để thương nhân thu nhặt của báu, Ngài là ruộng tốt có thể sanh trưởng căn lành, là lạc khí chứa đầy giải thoát, là hiền bình xuất sanh công đức diệu bảo. Bồ Tát chiếu soi người hành thiện như mặt trời rạng rỡ, chiếu sáng người lạc đường giống như đuốc sáng; trừ nóng phiền não như mặt trăng trong mát, như kẻ không chân được xe cộ, như người đi xa chuẩn bị đầy đủ tư lương, như người lạc lối gặp người chỉ đường, như kẻ cuồng được uống thuốc hay, như kẻ tật bệnh gặp được lương y, như người còm cõi, già cả được nương ghé, gậy; như kẻ mệt nhọc được nghỉ trên giường, tòa.

Đối với kẻ vượt bốn dòng, Ngài làm cầu cống. Với kẻ hướng đến bờ kia, Ngài làm thuyền bè. Ngài là quả báo thù thắng của ba thiện căn, là những dòng nhánh dẫn khởi từ ba gốc thiện, thường rộng bố thí như bánh xe luôn

xoay chuyển, trì giới kiên cố như núi Diệu Cao, tinh tấn khó hoại như báu Kim Cang, an nhẫn bất động hết như đại địa, tịnh lự thâm mật hết như bí tạng, đạt đến bình đẳng, trang nghiêm, đẹp đẽ như tràng hoa đẹp, trí huệ rộng sâu hết như biển cả, chẳng bị nhiễm trước như thái hư không, diệu quả cận nhân như các cánh hoa, chế phục các ngoại đạo như sư tử chúa, hàng phục các thiên ma như đại long tượng, chém giặc phiền não hết như thần kiếm, chán các huyên tạp như Độc Giác thừa, rửa nhơ phiền não như nước trong sạch, trừ khử hôi thối như gió thổi mạnh, đoạn các kết phược như đao kiếm sắc, bảo hộ các kẻ sợ hãi như thân thuộc, như bạn bè, phòng các oán địch như lũy, như thành.

Cứu các nguy nạn hết như cha mẹ, giấu kín các kẻ khiếp hèn hết như rừng rậm, như mùa Hè đi xa nấu mình dưới bóng cây to. Đối với kẻ nóng khát, ngài làm nước trong lạnh; với kẻ đói làm các quả ngọt. Với kẻ lừa dối, ngài làm các y phục. Với kẻ bị nóng bức, thiếu thốn ngài làm đám mây dày lớn. Vì kẻ bần cùng làm báu Như Ý. Vì kẻ hoảng sợ làm chỗ quy y. Vì kẻ trồng cây làm mưa ngọt nhuận thấm. Vì các nước dơ làm Nguyệt Ái châu². Ngài khiến cho các hữu tình thiện căn chẳng hoại; hiện cảnh giới màu nhiệm khiến cho hữu tình vui sướng; khuyến phát hữu tình càng thêm tâm quý. Với kẻ cầu phước huệ, Ngài làm cho họ được trang nghiêm đầy đủ; trừ được phiền não như thuốc xổ, thâm nhiếp loạn tâm như cảnh Đẳng Trì, biện tài không úng trệ như nước xoay bánh xe guồng, nhiếp sự buộc tâm như Diệu Sắc Quán, an nhẫn, trụ vững như núi Diệu Cao; tông trì rộng sâu hết như biển cả, thần túc vô ngại ví như hư không; diệt trừ hết thầy Hoặc Chương tập khí hết như vàng mặt trời chói lọi soi tan băng mỏng, thường dạo chơi trong đường chánh Tịnh Lự Vô Sắc [và] bến bãi quý báu Trí Nhất Thiết Trí, có thể vô công dụng chuyển đại pháp luân.

Này thiện nam tử! Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đây có vô số vô lượng công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn như thế đó. Ngài cùng các quyền thuộc muốn đến nơi đây nên trước hết, hiện ra tướng thần thông như vậy!”

Bồ Tát và các quyền thuộc hiện hình tướng Thanh Văn, làm lễ dưới chân Phật, tán lễ, cúng dường. Phật lại vì Hảo Nghi Vấn Bồ Tát rộng thuật vô lượng công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Kinh chép:

“Phật ngôn:

- Hãy nghe cho kỹ! Khéo nghĩ nhớ lấy! Ta sẽ vì ông lược nói ít phần. Vị Đại Sĩ như thế thành tựu vô lượng công đức chẳng thể nghĩ bàn. Ngài đã có thể an trụ trong Thủ Lăng Già Ma tam-ma-địa; khéo có thể ngộ nhập cảnh giới Như Lai, đã đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn tối thắng, đã được tự tại trong Phật Pháp, đã có thể kham nhẫn hết thầy địa vị trí huệ, đã có thể vượt qua biển Nhất Thiết Trí, đã có thể an trụ Sư Tử Phấn Tấn Tràng tam-ma-địa, đã có thể khéo trèo lên núi Nhất Thiết Trí, đã có thể đập tan ngoại đạo tà luận. Ngài

muốn thành thực hết thấy hữu tình nên đều dùng ở trong hết thấy cõi Phật. Bạc Đại Sĩ như thế này hãy dùng ở nơi cõi Phật nào, hãy an trụ trong các tam-ma-địa nào thì đều phát khởi công đức thù thắng, thành thực vô lượng các hữu tình được Ngài hóa độ”.

Tiếp đó, kinh văn trần thuật chi tiết Bồ Tát nhập vào các thứ Định. Do sức của các Định ấy, các hữu tình [trong pháp hội] kia được lợi ích, an lạc. Ở đây chỉ trình bày đại khái như sau:

Khiến cho hết thấy hữu tình trong cõi Phật ấy:	Đều được cùng thấy các cảnh giới Tam Ma Địa mà ngài đã thực hành
	Vô lượng vật cúng thượng diệu đáng nên dùng thứ nào thì đều có thể dùng thứ đó để cúng kính cúng dường chư Phật Thế Tôn.
	Thấy đều cùng thấy vô lượng tội lỗi của các cảnh giới cõi Dục nên tâm được thanh tịnh.
	Đều được đầy đủ lòng từ quý tặng thượng, lìa các pháp ác, tâm chẳng quên mất.
	Đều được thiện xảo thiên nhân, trí thông v.v... liễu đạt nhân quả đời này, đời sau.
	Đều lìa khỏi hết thấy ưu sầu, hôn muội.
	Đều được đầy đủ thần thông thiện xảo.
	Thấy khắp các cõi Phật trong mười phương
	Xả tà quy chánh, quy y Tam Bảo.
	Thấy đều xa lìa các sự sợ hãi trong đời sau, đắc pháp an ủi.
	Hễ nghĩ đến đều được thức ăn sung túc.
	Không một ai là chẳng được thế lực tăng thượng, lìa các bệnh khổ.
	Tùy theo ý thích đều được giường, tòa, đồ trái, y phục, đồ trang sức quý báu, các thứ vật cần dùng không thiếu hụt, thù thắng đẹp đẽ, đoan nghiêm.
	Thật đáng ưa thích, thân tâm mạnh mẽ, xa lìa hết thấy oán ghét trói buộc, hòa thuận vui sướng, vui vẻ trọn đủ.
	Thí, Giới, an nhẫn, dũng mãnh, tinh tấn, tâm không tán loạn, thành tựu trí huệ.
	Đều hưởng vô lượng hoan hỷ thắng diệu.
	Đắc Vô Ngại Trí, có thể tu các sự nghiệp thanh tịnh.
	Đều được đầy đủ các căn chẳng thiếu, thường thích viễn ly, thâm tâm tịch tĩnh.
	Đều chê trách sâu xa nghiệp họa của tự thân, đều khéo hộ trì đường trọng yếu để sanh lên Trời là Thập Thiện Nghiệp Đạo.

	Thầy đều phát khởi từ tâm, bi tâm, tâm không oán hại, tâm phổ bình đẳng, tâm làm lợi ích an lạc lẫn nhau.
	Lìa các sự đấu đá, tạt dịch, đỏi kém, mưa gió trái thời, đắng, rít, cay, chua. Các ác sắc xúc thầy đều tiêu diệt.
Khiến cho cõi Phật ấy	Tất cả hết thầy Tiểu Luân Vi Sơn, Đại Luân Vi Sơn, Tô Mê Lô Sơn và các núi khác, khe, suối, ngòi, lạch, ngói, gạch, gai độc, các cây cỏ bản thổ thầy đều chẳng hiện.
	Tất cả hết thầy các tà, cô độc, các trùng, thú ác, tai hoạnh, dịch lệ, tối tăm, bụi bặm, các thứ bất tịnh, hôi thối thầy đều tiêu diệt.
	Đất phẳng như lòng bàn tay, các thứ tốt lành tự nhiên đột ngột hiện ra, thanh tịnh thù thắng, các tướng trang nghiêm.
	Hết thầy Ma Vương và các quyến thuộc thầy đều hoảng hốt, quy y Tam Bảo.
	Hết thầy cõi đất do các báu hợp thành, hoàn toàn không có các khuyết điểm.
	Các thứ cây báu, cây y phục, cây sanh ra đồ vật báu, cây sanh ra anh lạc, cây hoa, cây quả, cây sanh ra các thứ âm nhạc, vô lượng nhạc cụ đều trang nghiêm trọn khắp cõi nước.

Tiếp đó, kinh lại giảng rộng: Nếu có ai chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì sẽ đạt được các thứ lợi ích, an lạc. Kinh chép:

“Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình mong cầu các thứ, bị ưu khổ bức ngặt nghèo, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thầy đều được thỏa những điều mình cầu mong đúng như pháp, lìa khỏi các ưu khổ. Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình bị đỏi khát bức bách mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thầy đều được thỏa điều mong cầu đúng như pháp, thức ăn sung túc. Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình thiếu thốn các thứ y phục, vật trang sức báu, thuốc men, giường chiếu, và các vật cần dùng, có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thầy đều được thỏa điều mình mong cầu đúng như pháp: y phục, vật trang sức báu, thuốc men, giường chiếu, và các vật cần dùng chẳng thiếu thứ gì. Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình đang yêu thương mà bị biệt ly, dù oán ghét vẫn phải chung đưng, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thấy đều được yêu thương hội hợp, oán ghét biệt ly. Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình thân tâm ưu khổ, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thấy đều được thân tâm yên ổn, khỏi hẳn các bệnh. Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình chống trái lẫn nhau, khởi lên các mối tranh đấu, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thấy đều bỏ được tâm độc hại, hòa mục với nhau, hoan hỷ chịu đưng, sanh lòng thẹn hổ đối với nhau, đối với nhau bằng tâm từ. Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình bị giam trong lao ngục, gông, cùm, xiềng, xích trói buộc nơi thân, chịu đủ các nỗi khổ, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thấy đều được giải thoát, lao ngục, gông cùm, xiềng xích; tự tại yên vui. Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình đang bị, hoặc lẽ ra phải bị giam cầm, đánh đập tra khảo, sắp sửa bị hại, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thấy đều tránh khỏi được sự giam cầm, đánh đập, gia hại. Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình bị thân tâm nhọc mỏi, khí lực yếu kém, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thấy đều được thân tâm vui sướng, khí lực cường thịnh. Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình các căn chẳng đủ, bất cứ căn nào bị tổn hoại, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thấy đều được các căn đầy đủ, chẳng bị tổn hoại. Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình điên cuồng tâm loạn, bị quỷ mị dựa, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thấy đều được tâm chẳng cuồng loạn, lìa các ưu não.

Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình bị tham dục, nóng giận, ngu si, phần hận, keo kiệt, ganh tỵ, kiêu căng, ngạo mạn, ác kiến, ham ngủ, phóng dật, si mê v.v... thấy đều lòng lấy, não loạn thân tâm, thường chẳng yên vui, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thấy đều lìa được tham, sân v.v... thân tâm yên vui. Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình bị lửa đốt, bị nước vùi, bị gió cuốn, hoặc bị rơi rụng, té xuống từ chỗ núi non, vách núi, bờ vực, cây cối, nhà cửa, trong lòng kinh hoàng, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thấy đều lìa được nguy nạn, an ổn, không tổn hại. Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình bị rắn độc, trùng độc cắn phải, hoặc trúng nham các thứ độc dược, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thấy đều lìa được các sự não hại. Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình bị ác quỷ nắm giữ, thành ra các bệnh ngược nên cứ phát bệnh mỗi ngày, hoặc phát bệnh cách ngày, hoặc cách ba, bốn ngày mới phát bệnh một lần; hoặc quỷ khiến cho người ấy cuồng loạn, thân tâm run rẩy, mê man, mất cả ý niệm trọn chẳng biết gì, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thấy đều giải thoát không sợ hãi, thân tâm yên vui. Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình bị các Dược Xoa, La Sát, nga quỷ, quỷ Tát Xá Giá, quỷ Bồ Đát Na, quỷ Curu Bàn Trà, quỷ Yết Tra Bồ Đát Na, quỷ hút tinh khí, và các loài hồ, sói, sư tử, ác thú, cổ độc, các thứ chú thuật ếm đối, oán tặc, quân trận, và các thứ kinh sợ khác gây phiền nhiễu, thân tâm hoảng hốt, sợ mất thân mạng, tham sống sợ chết, ghét khổ cầu vui, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thấy đều lìa được các sự sợ hãi, bảo toàn thân mạng. Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình hoặc vì đa văn, hoặc vì tịnh tín, hoặc vì tịnh giới, hoặc vì tịnh lự, hoặc vì thần thông, hoặc vì Bát Nhã, hoặc vì giải thoát, hoặc vì sắc đẹp, hoặc vì giọng hay, hoặc vì hương thơm, hoặc vì vị ngon, hoặc vì cảm xúc êm ái, hoặc vì lợi dưỡng, hoặc vì tiếng tăm, hoặc vì

công đức, hoặc vì khéo léo, hoặc vì hoa quả, hoặc vì rùng cây, hoặc vì giường tòa, hoặc vì đồ trái, hoặc vì đường xá, hoặc vì tiền của, gạo thóc, hoặc vì thuốc men, hoặc vì nhà cửa, hoặc vì tôi tớ, hoặc vì màu sắc, hoặc vì mưa lành, hoặc vì cầu nước, hoặc vì mùa màng, hoặc vì quạt, phất trần, hoặc vì gió mát, hoặc vì cầu lửa, hoặc vì xe cộ, hoặc vì con cái, hoặc vì phương tiện, hoặc vì tu phước, hoặc vì âm áp, hoặc vì mát mẻ, hoặc vì nghĩ nhớ, hoặc vì các sự lợi lạc xuất thế gian hay thế gian; trong lúc truy cầu [những điều ấy] bị các nỗi ưu khổ bức bách ngặt nghèo, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì do công đức, sức oai thần diệu định của vị thiện nam tử đây (tức Địa Tạng Bồ Tát) sẽ khiến cho hết thảy đều lìa được ưu khổ, ý nguyện được thỏa mãn trọn vẹn. Tùy theo [căn cơ] thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trên đường sinh Thiên hay Niết Bàn.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình dùng các hạt giống gieo cấy trong ruộng hoang hoặc ruộng thực³, dù là siêng năng chăm sóc hay chẳng siêng năng mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì do công đức, sức oai thần diệu định của vị thiện nam tử ấy (tức Địa Tạng Bồ Tát) khiến cho hết thảy quả, hạt sum suê. Vì có sao vậy? Vị thiện nam tử này từng ở trong vô lượng vô số đại kiếp quá khứ, đối trước không thể biết nổi số lượng chư Phật Thế Tôn, phát ra đại thể nguyện tinh tấn, kiên cố. Do nguyện lực đó, vì muốn thành thực các hữu tình nên Ngài thường gìn giữ khắp hết thảy đại địa, thường gìn giữ khắp hết thảy hạt giống, thường khiến cho khắp hết thảy hữu tình thọ dụng tùy ý. Do sức oai thần của vị thiện nam tử này khiến cho rễ, tua, mầm, củ, cành, lá, hoa, quả của hết thảy thảo mộc trong đại địa thảy đều sinh trưởng, cỏ thuốc, ngũ cốc, lúa mạ, hoa quả sum suê, chín vàng, tươi tốt, thơm tho, mềm mịn, ngon lành.

Bất cứ ở nơi đâu, nếu các hữu tình vì tham, sân, si v.v... mãnh liệt mà gây tạo sát sanh, hoặc không cho cứ lấy, hoặc muốn làm hạnh tà, hoặc nói lời dối trá, hoặc nói thô ác, hoặc nói ly gián, hoặc nói lời tạp uế, hoặc tham, hoặc sân, hoặc lại còn tà kiến, tạo nghiệp Thập Ác, nhưng nếu có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thảy phiền não thảy đều tiêu diệt, xa lìa Thập Ác, thành tựu Thập Thiện, khởi tâm từ bi và tâm lợi ích đối với các chúng sanh.

Vị thiện nam tử này thành tựu sức công đức oai thần diệu định, dũng mãnh, tinh tấn như thế. Trong khoảng một bữa ăn, Ngài có thể ở trong vô lượng vô số cõi Phật, trong mỗi một cõi Phật, trong khoảng bữa ăn có thể độ thoát vô lượng, vô số các hữu tình được Ngài giáo hóa nhiều như số cát sông Căng Già, khiến họ lìa các khổ, đều được an vui. Tùy theo căn cơ thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trong đường sinh Thiên hay Niết Bàn”.

Phật còn giảng rộng về các thân của Địa Tạng Bồ Tát trong mười phương cõi, vì các hữu tình thuyết pháp thích ứng. Kinh chép:

“Hoặc có lúc Ngài hiện làm thân Đại Phạm Vương vì các hữu tình thuyết pháp thích ứng; hoặc lại hiện làm thân Đại Tự Tại Thiên, hoặc hiện thân Tha Hóa Tự Tại Thiên cõi Dục, hoặc hiện thân Nhạo Biến Hóa Thiên, hoặc hiện thân Đồ Sứ Đa Thiên, hoặc hiện thân Dạ Ma Thiên, hoặc hiện thân Đế Thích Thiên, hoặc hiện thân Tứ Đại Vương Thiên, hoặc hiện thân Phật, hoặc hiện thân Bồ Tát, hoặc hiện thân Độc Giác, hoặc hiện thân Thanh Văn, hoặc hiện Chuyển Luân Vương, hoặc hiện thân Sát Đế Lợi, hoặc hiện thân Bà La Môn, hoặc hiện thân Phiệt Xá, hoặc hiện thân Thú Đạt La, hoặc hiện thân trượng phu, hoặc hiện thân phụ nữ, hoặc hiện thân bé trai, hoặc hiện thân bé gái, hoặc hiện thân Kiện Đạt Phước, hoặc hiện thân A Tổ Lạc, hoặc hiện thân Khản Nại Lạc, hoặc hiện thân Mạc Hô Lạc Già, hoặc hiện thân rồng, hoặc hiện thân Dược Xoa, hoặc hiện thân La Sát, hoặc hiện thân Cưu Bàn Trà, hoặc hiện thân Tất Xá Giá, hoặc hiện thân nga quý, hoặc hiện thân Bồ Đát Na, hoặc hiện thân Yết Tra Bồ Đát Na, hoặc hiện thân quý Áo Xa Ha Lạc, hoặc hiện thân sư tử, hoặc hiện thân hương tượng, hoặc hiện thân ngựa, hoặc hiện thân trâu, hoặc hiện thân các loài cầm thú, hoặc hiện thân vua Diêm La, hoặc hiện thân ngục tốt cõi Địa Ngục, hoặc hiện làm thân các hữu tình trong Địa Ngục. Hiện vô số vô lượng các thân khác loại như thế đó, vì các hữu tình thuyết pháp thích ứng. Tùy theo căn cơ thích ứng, Bồ Tát sẽ đặt yên họ trong đường sanh Thiên, Niết Bàn”.

Phật lại so sánh: Chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát cầu các sở nguyện là thù thắng nhất. Kinh chép:

“Giả sử có người trong trăm kiếp chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường các vị như Di Lạc, Diệu Cát Tường, Quán Tự Tại, Phổ Hiền... là thượng thủ của các đại Bồ Tát Ma Ha Tát nhiều như cát sông Căng Già để cầu các sở nguyện thì chẳng bằng người trong khoảng một bữa ăn chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát để cầu các sở nguyện, mau chóng được mãn nguyện trọn vẹn. Vì sao như thế? Địa Tạng Bồ Tát lợi ích, an lạc hết thảy hữu tình, khiến cho sở nguyện của các hữu tình được viên mãn. Ngài giống như châu Như Ý, cũng lại như kho tàng. Bậc Đại Sĩ như thế vì muốn thành thực các hữu tình nên từ lâu đã tu đại nguyện đại bi kiên cố, dũng mãnh, tinh tấn hơn các vị Bồ Tát khác. Vì thế các ông phải nên cúng dường”.

Khi Phật giảng rộng công đức chẳng thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đã xong, chúng hội đều hưng khởi cúng dường. Kinh chép:

“Lúc bấy giờ, đại chúng đến từ mười phương: hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát và các Thanh Văn, trời, người, Dược Xoa, Kiện Đạt Phước v.v... đều từ

chỗ ngồi đứng dậy, tùy theo khả năng của mình, ai nấy cầm các mảnh vàng, bạc... các hương, hoa báu dâng rải lên Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, lại cầm các thứ y phục thượng diệu, bảo châu Mạt Ni, chân châu, tràng hoa, chuỗi ngọc, dây báu vàng bạc, tràng phan, lọng v.v... dâng lên Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát; lại dùng vô lượng âm nhạc thượng diệu, các thứ tán tụng để cung kính cúng dường Địa Tạng Bồ Tát”.

Chúng hội đã hưng khởi cúng dường xong, Địa Tạng Bồ Tát bèn chuyển cúng các vật ấy lên đức Thế Tôn, đồng thời nói thần chú để lợi ích hết thảy.

Trên đây là đại ý của phần Tụ Phạm thứ nhất. Kinh văn trong phẩm này đa phần tán dương công đức Địa Tạng Bồ Tát nên trích lục ra khá dài dòng, trong các phẩm tiếp sau đây, đa số chỉ lược dẫn.

---o0o---

A.2. Phẩm Thập Luân thứ hai

Địa Tạng Bồ Tát hỏi Phật: “Làm thế nào để chuyển được Phật luân trong đời ngũ trược?” Phật đáp: “Do sức bốn nguyện, thành tựu mười thứ Phật luân nên có thể ngự trong cõi này. Đó chính là Thập Địa Lực”. Với mỗi một lực, Phật đều ví như Chuyển Luân Thánh Vương.

---o0o---

A.3. Phẩm Vô Y Hạnh thứ ba

Lúc bấy giờ trong hội có Đại Phạm Thiên tên là Thiên Tạng hỏi Phật các việc: Thiên Định, đọc tụng, tạo phước v.v... Phật kể ra mười hai hạnh Vô Y (hạnh không nên làm theo). Nếu như tu Định mà vướng phải một hạnh đó thì trọn chẳng thể thành tựu được các tam ma địa. Đức Thế Tôn lại còn khen ngợi người tu Định sẽ được Thích, Phạm, Hộ Thế Tứ Vương Thiên, Chuyển Luân Vương v.v... tán thán, lễ bái, cung kính, hầu hạ, dâng cúng trăm ngàn na-dữu-đa vật cúng và nói kệ tụng. Kinh chép:

“Tu Định dứt được Hoặc, các nghiệp khác chẳng làm được vậy. Vì thế, tu Định là cao quý, kẻ trí nên cúng dường”.

Tiếp đó, Phật dạy người xuất gia dù phá giới vẫn có thể phát sinh mười thứ tư duy thù thắng; quốc vương, đại thần chẳng nên làm nhục họ một cách phi lý. Tiếp đó, kinh giảng về tội Ngũ Vô Giá, bốn tội căn bản, tội báng chánh pháp và tội nghi Tam Bảo, [những tội này] gọi là đại tội ác nghiệp cực trọng, là pháp chẳng nên thực hành. Kẻ nào phạm phải đều chẳng phải là đệ tử Phật. Phải nên hộ trì bốn giới Căn Bản.

Tiếp đó, nhân lời hỏi của tôn giả Ưu Ba Ly: “Đời mạt có ác hạnh Bất Sô (tỳ kheo) thì nên dùng phương tiện gì để quở trách, cử tội, trục xuất và trị phạt?”, Phật giải đáp tường tận. Kế đấy, ngài Địa Tạng Bồ Tát nguyện cứu đời mạt, nên nói trong đời mạt có mười sự ác (thập ác luân), tức là: Quốc vương, tể quan v.v.. do vì bảo vệ Bất Sô ác nên não hại những vị tu hành thanh tịnh, hạ vua quan như vậy gọi là Chiên Đà La; cho đến đối với kẻ phá giới, không có giới hạnh đều chẳng nên làm hại, hạ nhục họ. Bồ Tát kể lại những chuyện cổ như La Sát, voi say đều kính trọng áo ca sa để làm chứng. Nếu xa lìa được 10 điều ác ấy thì sẽ được 10 pháp tăng trưởng, xa lìa hai mươi lỗi.

Phạm Thiên Thiên Tạng lại nói bài thần chú Hộ Quốc Bất Thối Luân

Tâm.

---o0o---

A.4. Phẩm Hữu Y Hạnh thứ tư

Kim Cang Tạng Bồ Tát hỏi: “Phật đã bảo kẻ phá giới chẳng phải là đệ tử Phật, nhưng sao chẳng cho phép hủy nhục họ? Hơn nữa, trong các kinh khác kinh nào cũng chỉ riêng khen ngợi Đại Thừa, có sao trong kinh này lại nói: Đối với pháp Tam Thừa đều chẳng cho ẩn giấu?” Phật đáp: Có 10 loại hữu tình khó được thân người, lại có mười pháp vô y hạnh sai khác, có bốn thứ Tăng và bốn thứ Sa Môn. Vì thế kẻ phá giới tuy chẳng phải là đệ tử Phật, chẳng đáng hưởng cúng dường, nhưng vẫn có hình dáng thánh hiền nên chẳng được làm hại, hủy nhục họ. Tam Thừa đều là phương tiện độ sanh của Như Lai nên dù có tu Đại Thừa cũng chẳng được phê bỏ hai thừa kia.

Tiếp đó, Phật lại dạy mười Hữu Y hạnh mà ba thừa cùng có, lại có mười Hữu Y Hạnh mà Độc Giác và Đại Thừa cùng chia sẻ. Rồi Phật dạy Đại Thừa Vô Trần Cấu Hạnh Luân, Vô Thủ Hạnh Luân. Tùy theo căn cơ chúng sanh nói pháp Tam Thừa, giới, tịnh, từ bi an lạc hết thảy thì mới gọi là Đại Thừa.

---o0o---

A.5. Phẩm Sám Hối thứ năm

Chúng hội nghe pháp ai nấy đều sám hối tội trước. Phật vì họ giảng mười pháp khiến cho Bồ Tát đạt được con đường chánh Vô Tội Pháp Nhẫn. Tiếp đó, Phật dạy: đã đắc pháp nhẫn rồi, Phật mới chấp thuận cho họ được ở

ngôi vua. Hoặc phải hành Thập Thiện, hoặc tin Tam Bảo mới đáng giữ ngôi vua. Nếu không, chắc chắn sẽ bị đọa lạc.

---o0o---

A.6. Phẩm Thiện Nghiệp Đạo, thứ sáu

Kim Cang Tạng Bồ Tát lại hỏi: Làm thế nào để người trong Tam Thừa đắc pháp không lầm lỗi, cho đến tâm hạnh nguyện Bồ Đề không chán đủ? Phật đáp: Mười thiện nghiệp đạo chính là thập luân của Bồ Tát. Phật giảng rộng về nhân quả lợi ích; tiếp đó, Ngài bài xích điều sai, khuyên tu [điều đúng]. Kinh chép:

“Vi thế, thiện nam tử! Nếu chẳng chân thật mong cầu mười thiện nghiệp đạo như thế để chứng Phật Quả, và tệ nhất là chẳng chân thật thủ hộ một thiện nghiệp đạo nào, cho đến lúc mạng chung, tự xưng rằng: Ta là người hành Đại Thừa chân thật, ta cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, thì hãy biết rằng gã Bồ Đặc Già La (hữu tình) ấy hư dối đến cùng cực, là đại vọng ngữ, dối trước chư Phật Thế Tôn trong mười phương cõi mà dối gạt thế gian, không thẹn, không hổ, nói Không Đoạn Kiến, lường gạt, dối trá, ngu si, [khi] thân hoại mạng chung sẽ đọa trong các đường ác!

Này thiện nam tử! Nếu chỉ nói bàn và chỉ thấy nghe, chẳng do tu hành Thập Thiện nghiệp đạo mà có thể đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn; trong một kiếp, hoặc trong một niệm mà có thể khiến cho các chúng sinh nhiều như toán, số, vi trần trong hết thủy cõi Phật nơi mười phương đều đạt Chánh Giác, nhập Niết Bàn thì trọn chẳng có lẽ ấy. Vì có sao thế? Thập Thiện nghiệp đạo là cội gốc của Đại Thừa, là nhân của Bồ Đề, là thang bậc kiên cố để chứng Niết Bàn.

Này thiện nam tử! Nếu chỉ do sức phát tâm thệ nguyện, chẳng do tu hành Thập Thiện nghiệp đạo mà có thể đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn; trong một kiếp, hoặc trong một niệm mà có thể khiến cho các chúng sinh nhiều như toán, số, vi trần trong hết thủy cõi Phật nơi mười phương đều đạt Chánh Giác, nhập Niết Bàn thì trọn chẳng có lẽ ấy. Vì có sao thế? Thập Thiện nghiệp đạo là căn bản của quả báo công đức xuất thế thù thắng.

Này thiện nam tử! Nếu chẳng tu hành Thập Thiện nghiệp đạo, dù có trải qua các kiếp nhiều như số vi trần trong mười phương hết thủy cõi Phật, tự xưng là Đại Thừa, hoặc nói, hoặc nghe, hoặc chỉ phát tâm, hoặc phát thệ nguyện, vẫn trọn chẳng thể chứng được Bồ Đề Niết Bàn, cũng chẳng làm cho người khác thoát khổ sanh tử được nổi.

Này thiện nam tử! Phải do tu hành Thập Thiện nghiệp đạo thì thế gian mới có các dòng đại phú quý như sát đế lợi, bà la môn v.v... Từ Tứ Thiên

Vương thiên cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ thiên hoặc Thanh Văn thừa, hoặc Độc Giác thừa, cho đến Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề đều do tu hành Thập Thiện nghiệp đạo phẩm loại sai khác.

Vì vậy, thiện nam tử! Nếu muốn mau được mãn nguyện Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề thì nên tu Thập Thiện nghiệp đạo như vậy để tự trang nghiêm, chứ chẳng phải là trụ trong Thập Ác, chẳng hợp luật nghi mà có thể viên mãn đại nguyện Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề như thế được. Nếu cầu mau được ngộ cảnh giới Đại Thừa, mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, mau mãn hết thủy pháp nguyện thì trước hết phải hộ trì Thập Thiện nghiệp đạo. Vì có sao thế? Thập Thiện nghiệp đạo là căn bản để an lập hết thủy công đức thiện pháp, là nhân của quả báo thế gian, xuất thế gian thù thắng. Vì thế phải tu Thập Thiện nghiệp đạo.

---o0o---

A.7. Phẩm Phước Điền Tướng thứ bảy

Kinh lại dạy về mười Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát, mười Pháp Thí Đại Giáp Trụ Luân, Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân, An Nhẫn Đại Giáp Trụ Luân, Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân, Tịnh Lự Đại Giáp Trụ Luân, Bát Nhã và Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân, Đại Từ Đại Giáp Trụ Luân, Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân, Kiên Cố Đại Nhẫn Đại Giáp Trụ Luân. Có thể mới làm đại phước điền cho hết thủy Thanh Văn, Độc Giác.

---o0o---

A.8. Phẩm Hoạch Ích, Chúc Luy (Đạt lợi ích, dặn dò) thứ tám

Đại chúng ai nấy được lợi ích vô lượng, Phật đem pháp này phó chúc cho Hư Không Tạng Bồ Tát. Kinh chép:

“Này thiện nam tử! Ta nay đem pháp môn Địa Tạng Thập Luân Đại Kỳ giao vào tay ông, ông nên thọ trì, khiến cho được lưu truyền rộng rãi. Nếu các chúng sanh đối với pháp môn này mà có thể đọc tụng, tư duy nghĩa lý, giải nói cho người khác trụ chánh hạnh thì ông hãy nên vì người đó thủ hộ mười pháp khiến cho được lợi ích, an lạc trong đêm dài. Những gì là mười?

Một là vì kẻ ấy thủ hộ khiến hết thủy tiền của, địa vị chẳng bị thiếu hụt.

Hai là vì kẻ ấy thủ hộ khiến cho hết thủy oán địch chẳng xâm hại được.

Ba là vì kẻ ấy thủ hộ khiến bỏ được hết thủy tà kiến, tà quy, thập ác nghiệp đạo.

Bốn là vì kẻ ấy thủ hộ khiến chẳng bị lãnh hết thầy hình phạt trên thân hay bị trách phạt bằng lời nói.

Năm là vì kẻ ấy thủ hộ, ngăn che, đoạn trừ hết thầy báng hủy, coi thường, đùa bỡn.

Sáu là vì kẻ ấy thủ hộ khiến cho đối với hết thầy quỹ phạm, thi-la (giới) đều chẳng vi phạm.

Bảy là vì kẻ ấy thủ hộ khiến trừ diệt hết thầy phi nhân, tứ đại trái nghịch nhau, già, bệnh không đúng thời.

Tám là vì kẻ ấy thủ hộ khiến chẳng gặp phải hết thầy tai nạn phi thời, phi lý, chết yểu.

Chín là vì kẻ ấy thủ hộ khiến lúc sắp chết, được thấy hết thầy hình sắc của chư Phật.

Mười là vì kẻ ấy thủ hộ khiến cho sau khi chết, được sanh trong đường lành, lợi ích yên vui.

Này thiện nam tử! Nếu các hữu tình đối với pháp môn này mà có thể đọc tụng, tư duy ý nghĩa, vì người khác giải nói, trụ trong chánh hạnh thì ông hãy nên vì người ấy càng thêm siêng năng thủ hộ mười pháp như thế khiến kẻ ấy được lợi ích, an lạc trong đêm dài”.

Phụ chú:

Kinh Địa Tạng Bồ Tát Đà Ra Ni, 1 quyển, do ngài Huệ Lâm dịch đời Đường được nhắc đến trong quyển 18 của tác phẩm Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa chính là bản dịch của phần kinh văn nói về đà ra ni trong phẩm Tự của kinh Địa Tạng Thập Luân.

Pháp Sư Huệ Lâm nói: “Địa Tạng Bồ Tát Đà Ra Ni trong kinh vốn là cổ dịch, âm vận không sát [với âm gốc], dùng chữ mâu thuẫn. Nay tôi có bản thọ trì bằng tiếng Phạn, nhân đó, bèn sửa đổi âm nghĩa, y theo kinh văn dịch lại. Những vị biết tiếng Phạn xin hãy so sánh hai bản sau sẽ biết chi tiết”.

Nhận định:

Trước sau, Đà Ra Ni này có ba bản dịch, một bản được chép trong phẩm Tự kinh Đại Phương Quảng Thập Luân đời Bắc Lương, bản thứ hai là đà ra ni chép trong bản kinh Địa Tạng Thập Luân dịch thời Đường và bản thứ ba là bản dịch lưu hành riêng được nói ở trên đây.

C. Chương thứ ba: Đại ý kinh Chiêm Sát

Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo gồm 2 quyển, do sa môn Bồ Đề Đãng người ngoại quốc dịch vào đời Tùy.

Đại sư Ngẫu Ích đời Minh bảo: “Kinh này thật sự là thuốc thần để chữa bệnh trong đời mạt, chẳng thể chẳng gấp gấp lưu truyền”.

Trong quyển thượng, Phật ngự trong núi Kỳ Xà Quạt tại thành Vương Xá, Bồ Tát Kiên Tịnh Tín vì chúng sanh đời mạt thưa hỏi phương tiện. Kinh chép:

“Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thưa:

- Như trước kia Phật đã nói: ‘Nếu như ta đã qua đời, sau khi Chánh Pháp diệt mất, Tượng Pháp sắp tận, sắp vào đời Mạt, trong thời gian như thế, chúng sanh phước mỏng, lắm nỗi suy não, cõi nước lắm phen loạn lạc, tai nạn xảy ra mãi, các thứ ách nạn kinh sợ bức nhiễu. Các đệ tử của ta đánh mất thiện niệm, chỉ thêm lớn tham, sân, ghen ghét, ngã mạn, dù có vẻ dường như hành thiện pháp, nhưng chỉ chăm cầu lợi dưỡng, danh tiếng thế gian là chính, chẳng thể chuyên tâm tu yếu đạo xuất thế. Lúc bấy giờ, các chúng sanh thấy tai ương, loạn lạc trong đời, tâm thường khiếp nhược, buồn sợ thân mình và các thân thuộc chẳng được cơm no, áo ấm. Do bởi lắm nhân duyên chướng ngại như vậy nên đối với Phật pháp, họ là kẻ độn căn, ít lòng tin, đặc đạo lại cực ít. Thậm chí dần dần người sanh lòng tin, thành tựu trong Tam Thừa cũng lại rất hiếm. Tất cả những người tu học Thiên Định thế gian, phát sanh các thần thông, tự biết túc mạng, lần lần không còn có ai. Như thế, đến khi vào trong đời Mạt Pháp đã lâu, kẻ đặc đạo, giữ lòng tin, tu Thiên Định đạt thần thông v.v... hoàn toàn không còn có ai nữa’.

Con nay vì những kẻ thiện căn ít ỏi trong thời ác vị lai Tượng Pháp sắp hết và trong đời Mạt Pháp, thưa hỏi Như Lai lập phương tiện nào, khai thị, dạy dỗ khiến họ sanh tín tâm, trừ được suy não, bởi vì lúc họ gặp phải sự ác, do sẵn lắm chướng ngại, họ sẽ lui sụt thiện tâm. Đối với pháp nhân quả thế gian và xuất thế gian, họ nhiều lần đem lòng ngờ vực, chẳng thể vững tâm chuyên cầu pháp lành. Chúng sanh như thế đáng thương, đáng cứu. Đức Thế Tôn đại từ, Nhất Thiết Chúng Trí, nguyện lập phương tiện để hiệu dụ, khiến họ lìa khỏi lưới nghi, trừ các chướng ngại, tăng trưởng lòng tin, ở trong thừa nào cũng mau được bất thối”.

Phật bảo Ngài đem hỏi Địa Tạng Bồ Tát, đồng thời minh thị địa vị cao quý và nhân duyên thù thắng của Bồ Tát. Kinh chép:

“Từ khi Địa Tạng Bồ Tát phát tâm đến nay đã trải qua vô lượng, vô biên chẳng thể nghĩ bàn a tăng kỳ kiếp. Từ lâu, Ngài đã vượt qua biển Tát Bà

Nhã, công đức viên mãn, trọn đủ, nhưng chỉ y theo sức bản nguyện tự tại, quyền xảo hiện hóa hiện bóng trong mười phương.

Tuy Ngài đi vào khắp hết thủy cỗi nước, thường khởi công nghiệp, nhưng Ngài đặc biệt chú trọng đến đời ác ngũ trược. Điều đó cũng là do sức bản nguyện huân tập vậy và cũng do chúng sanh đáng được hưởng sự giáo hóa của Ngài. Từ mười một kiếp đến nay, Bồ Tát trang nghiêm thế giới này, thành thực chúng sanh. Vì thế ở trong hội này, thân tướng Ngài đoan nghiêm, oai đức thù thắng, ngoại trừ Như Lai, không ai hơn được Ngài.

Lại nữa, sự nghiệp hóa độ của Ngài trong thế giới này, chỉ trừ các vị Biến Cát (Phổ Hiền), Quán Thế Âm v.v... các Đại Bồ Tát đều chẳng sánh bằng được. Vì vậy, sức bản thể nguyện của Bồ Tát nhanh chóng thỏa mãn hết thủy sở cầu của chúng sanh, diệt hết thủy tội trọng của chúng sanh, trừ các chướng ngại, được an lạc trong hiện đời.

Lại nữa, vị Bồ Tát này còn có tên là Bạc Khéo Nói An Ủi, nghĩa là: khéo nói pháp sâu, khéo chỉ dạy khiến kẻ sơ học khởi lòng cầu Đại Thừa chẳng bị khiếp nhục. Do các nhân duyên như thế, trong thế giới này, chúng sanh khát ngưỡng, nhận sự giáo hóa, đặc độ. Bởi thế, ta nay bảo Bồ Tát ấy hãy nói”.

Địa Tạng Bồ Tát bèn dạy 3 thứ một luận để khảo sát nghiệp báo thiện, ác trong ba đời, đồng thời chỉ dạy phương pháp sám hối như trong kinh đã rộng nói.

Trong quyền hạ, Địa Tạng Bồ Tát lại chỉ ra cảnh giới Nhất Thật và hai thứ phép Quán: Duy Tâm Thức Quán và Chân Như Thực Quán. Địa Tạng Bồ Tát lại vì kẻ thiện căn mỏng manh, phiền não dày đặc, lẩn nghi, lẩn chướng, dạy riêng một phương tiện để lia chướng duyên, cầu sanh Tịnh Độ. Kinh chép:

“Nếu ai dù học những tín giải như thế nhưng vì thiện căn mỏng manh, chẳng thể tiến lên, chẳng tạm chế phục được các ác nghiệp phiền não, trong lòng ngờ vực, khiếp hãi, sợ đọa ba đường ác, sợ sanh trong chỗ tám nạn, sợ chẳng thường được gặp gỡ Phật, Bồ Tát v.v... chẳng được cúng dường, nghe lãnh chánh pháp, sợ khó thể thành tựu hạnh Bồ Đề. Có những điều nghi ngờ, sợ hãi và các thứ chướng ngại như thế thì hãy nên trong mọi lúc,

trong mọi chỗ, thường siêng tụng niệm danh hiệu của ta. Nếu được nhất tâm, thiện căn tăng trưởng, tâm ý sắc bén thì hãy nên quán pháp thân của ta và pháp thân của hết thầy chư Phật thể tánh bình đẳng với thể tánh của thân chính mình, không hai, không khác, chẳng sanh, chẳng diệt, thường, lạc, ngã, tịnh, công đức viên mãn, đáng để quy y. Lại nên quán sát tướng trạng thân tâm của chính mình là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, như huyễn, như hóa, đáng nên chán lìa.

Nếu có thể tu học phép Quán như thế thì sẽ mau được tăng trưởng tâm tịnh tín, tất cả các chướng dần dần tổn giảm. Vì có sao? Người ấy gọi là học tập, nghe danh hiệu ta thì cũng có thể học tập, nghe danh hiệu mười phương chư Phật. Đã có thể học chí tâm, lễ bái, cúng dường ta thì cũng có thể học chí tâm, lễ bái, cúng dường mười phương chư Phật. Gọi là học nghe kinh Đại Thừa sâu xa, gọi là học nắm giữ, biên chép, cúng dường, cung kính kinh Đại Thừa sâu xa, gọi là học thọ trì, đọc tụng các kinh Đại Thừa sâu xa, gọi là học xa lìa tà kiến, đối với chánh nghĩa sâu chẳng hủy báng, gọi là học tin hiểu Đệ Nhất Thật Nghĩa rốt ráo rất sâu, gọi là có thể trừ được các tội chướng, gọi là sẽ được vô lượng công đức tụ tập. Người ấy xả mạng thì trọn chẳng đọa vào ác đạo, chỗ tám nạn, lại được nghe chánh pháp, quen tin tưởng, tu hành, cũng có thể tùy nguyện vãng sanh cõi Phật thanh tịnh ở phương khác.

Lại nữa, nếu ai muốn sanh về cõi Tịnh nào trong hiện tại ở mười phương thì hãy nên dốc lòng tụng niệm danh hiệu của đức Phật ở thế giới đó, nhất tâm bất loạn; quán sát như trên thì quyết định sẽ được sanh về cõi tịnh của đức Phật ấy, thiện căn tăng trưởng, mau được bất thối”.

Kế đó, Bồ Tát dạy về tam nhãn, tứ Phật để tỏ rõ địa vị viên mãn, và khéo léo thuyết pháp an ủi kẻ khiếp nhược, xa lìa cái lỗi chống đối nhau.

Địa Tạng Bồ Tát thuyết pháp xong, Phật phó chúc thọ trì. Kinh chép:

“Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các đại chúng rằng:

- Các vị ai nấy hãy nên thọ trì pháp môn này, lưu truyền rộng rãi trong nơi mình ở. Vì có sao vậy? Pháp môn như thế này rất là khó gặp, có đại lợi ích. Nếu ai được nghe danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát và tin lời Ngài dạy thì phải biết là người ấy mau lìa được hết thầy tất cả sự chướng ngại, mau đạt đến đạo Vô Thượng.

Ngay khi đó, đại chúng đều cùng phát nguyện: “Con sẽ thọ trì, lưu truyền trong thế gian, chẳng dám để mất”.

---o0o---

D. Chương thứ tư: Đại ý kinh Bồ Nguyện

Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên gồm hai quyển, bản thông dụng chia thành 3 quyển, do sa-môn Thật Xoa Nan Đà người nước Vu Điền dịch vào thời Đường.

---o0o---

D.1. Phẩm thứ nhất: Đao Lợi Thiên Cung Thần Thông

Phật ngự trên trời Đao Lợi, vì mẹ thuyết pháp. Mười phương chư Phật, Bồ Tát nhóm hội khen ngợi. Như Lai mỉm cười, phóng ra mây quang minh, phát ra tiếng vi diệu. Mười phương Trời, Rồng, quỷ thần thầy cũng đều đến dự hội. Phật vì Văn Thù Bồ Tát nói nhân xưa của Địa Tạng Bồ Tát.

---o0o---

D.2. Phẩm thứ hai: Phân Thân Tập Hội

Các phân thân của Địa Tạng Bồ Tát trong chốn địa ngục ở mười phương và các chúng sanh được Ngài giáo hóa đến gặp Thế Tôn. Thế Tôn xoa đầu phó chúc, kinh chép:

“Ông xem: Ta trong bao kiếp siêng khổ độ thoát các chúng sanh tội khổ ương ngạnh khó bề giáo hóa như thế. Những kẻ chưa được điều phục sẽ phải theo nghiệp báo ứng. Như lúc chúng bị đọa ác đạo chịu sự khổ lớn, ông hãy nên nghĩ nhớ lúc ta ở trên cung trời Đao Lợi ân cần dặn dò, đều khiến cho các chúng sanh trong thế giới Sa Bà mãi đến khi đức Di Lặc xuất thế, đều được giải thoát, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, gặp Phật thọ ký”.

---o0o---

D.3. Phẩm thứ ba: Quán Chúng Sanh Nghiệp Duyên

Ma Da Phu Nhân hỏi về những đường ác do nghiệp báo chiêu cảm, Địa Tạng Bồ Tát đáp đại lược về 5 sự vô giá.

---o0o---

D.4. Phẩm thứ tư: Diêm Phù Chúng Sanh Nghiệp Cảm

Ngài Định Tự Tại Vương Bồ Tát lại hỏi về nhân xưa, Phật lại lược thuyết 2 chuyện. Tứ Thiên Vương thỉnh vấn về phương tiện đại nguyện của Bồ Tát, Phật lại thuật những pháp báo ứng mà Bồ Tát đã nói.

---o0o---

D.5. Phẩm thứ năm: Địa Ngục Danh Hiệu

Phổ Hiền Bồ Tát hỏi, Địa Tạng Bồ Tát đáp.

---o0o---

D.6. Phẩm thứ sáu: Như Lai Tán Thán

Phật phóng quang minh nơi thân, vang ra âm thanh lớn khen ngợi Địa Tạng Bồ Tát. Phổ Quảng Bồ Tát thưa hỏi về lợi ích. Phật vì Bồ Tát phân biệt giải đáp về các việc: thờ tượng, đọc tụng kinh, trì danh v.v...

---o0o---

D.7. Phẩm thứ 7: Lợi Ích Tôn Vong

Địa Tạng Bồ Tát bạch Phật phổ khuyến chúng sanh đoạn ác, tu thiện. Trưởng giả Đại Biện thưa hỏi về công đức siêu độ người chết, Địa Tạng Bồ Tát dạy: Siêu độ người chết, trong bảy phần công đức, người mất chỉ hưởng được một.

---o0o---

D.8. Phẩm thứ tám: Diêm La Vương Chúng Tán Thán

Quý Vương và Diêm La Thiên Tử nương vào sức oai thần của Phật và Bồ Tát đều lên đến trời Đao Lợi, thưa hỏi vì sao chúng sanh chẳng nương theo đường lành. Phật dùng thí dụ người mê đi lạc đường để giảng. Lại còn có Ác Độc Quý Vương, Chủ Mạng Quý Vương, mỗi ông đều phát thiện nguyện, Phật khen ngợi, ấn khả và thọ ký cho Chủ Mạng.

---o0o---

D.9. Phẩm thứ chín: Xưng Phật Danh Hiệu

Vì để lợi ích chúng sanh, Địa Tạng Bồ Tát diễn thuyết công đức của danh hiệu chư Phật quá khứ.

---o0o---

D.10. Phẩm thứ 10: Giáo Lượng Bồ Thí Công Đức Duyên

Địa Tạng Bồ Tát thưa hỏi, Phật phân biệt đáp.

---o0o---

D.11. Phẩm thứ 11: Địa Thần Hộ Pháp

Kiên Lao Địa Thần minh thị mười điều lợi do thờ hình tượng Bồ Tát.

---o0o---

D.12. Phẩm thứ 12: Kiến Văn Lợi Ích

Phật phóng quang minh từ trên đỉnh đầu, dùng diệu âm xung dương Địa Tạng Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát thỉnh vấn về những sự chẳng thể nghĩ bàn, Phật bèn phân biệt giải đáp những sự cúng dường hình tượng, thọ trì danh hiệu v.v...

---o0o---

D.13. Phẩm thứ 13: Chúc Lụy Nhân Thiên

Phật lại xoa đầu Địa Tạng Bồ Tát, giao phó Bồ Tát hóa độ các chúng sanh, kinh chép:

“Này Địa Tạng! Này Địa Tạng! Hãy nhớ hôm nay ta ở trên trời Đao Lợi, giữa đại hội của trăm ngàn vạn ức bất khả thuyết bất khả thuyết hết thảy chư Phật, Bồ Tát, trời, rồng tám bộ lại đem các hàng trời, người, chúng sanh chưa thoát khỏi tam giới còn ở trong nhà lửa giao phó cho ông, chẳng để cho một chúng sanh nào đọa lạc trong đường ác dầu chỉ một ngày một đêm, huống hồ là lại bị đọa lạc vào Ngũ Vô Giá và địa ngục A Tỳ suốt cả trăm vạn ức kiếp, chẳng có lúc ra.

Này Địa Tạng! Chí tánh của chúng sanh trong Nam Diêm Phù Đề đây vô định, quen thói ác thì nhiều, dù có phát thiện tâm, trong khoảnh khắc lại lui sụt. Nếu gặp ác duyên thì niệm niệm tăng trưởng. Bởi lẽ đó, ta phân ra trăm ngàn ức thân để hóa độ, tùy theo từng căn tánh mà độ thoát.

Này Địa Tạng! Nay ta ân cần đem hàng trời, người giao phó cho ông. Trong đời vị lai, nếu có trời, người và thiện nam tử, thiện nữ nhân gieo được chút thiện căn trong Phật pháp [chỉ bằng] một sợi lông, một hạt bụi, một hạt cát, một giọt nước thì ông nên dùng đạo lực ủng hộ kẻ đó, dần dần tu tập Vô Thượng chớ để thối thất.

Lại này Địa Tạng! Trong đời mai sau, dù trời hay người theo nghiệp báo ứng, rớt trong ác đạo, lúc sắp đọa trong đường ác, hoặc đã đến cửa đường ác mà nếu các chúng sanh ấy niệm được danh hiệu một đức Phật, một vị Bồ Tát, một câu, một kệ kinh điển Đại Thừa thì ông nên dùng thần lực phương tiện cứu vớt các chúng sanh ấy. Ở chỗ người ấy, ông sẽ hiện vô biên thân để

làm tan nát địa ngục khiến kẻ ấy được sanh lên trời, hưởng sự vui thù thắng, màu nhiệm”.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bèn nói kệ rằng:

Hiện tại, vị lai chúng trời người

Ta nay ân cần giao cho ông

Dùng đại thần thông, phương tiện độ

Đừng cho ác đạo lọt vào trong.

Kể tiếp đó, Hư Không Tạng Bồ Tát nói hai mươi tám lợi ích do được

thấy hình tượng Địa Tạng, nghe kinh điển này; và lại nói bảy điều lợi ích.

---o0o---

Phụ chú:

Kinh Phật Thuyết Địa Tạng Bồ Tát Phát Tâm Nhân Duyên Vương Thập Vương, 1 quyển, do Tạng Xuyên đời Đường biên thuật được chép trong Tục Tạng Kinh của Nhật Bản là kinh do người đời ngụy tạo, chẳng nên lưu thông.

---o0o---

E. Chương thứ năm: Đại ý [các kinh] tán dương Pháp Thân, các nghi quỹ cùng Diệt Định Nghiệp Chân Ngôn

a) Bách Thiên Tụng Đại Tập Kinh Địa Tạng Bồ Tát Thỉnh Vấn Pháp Thân Tán, 1 quyển, do ngài Bất Không dịch vào đời Đường. Kinh này tán thán công đức của Pháp Thân, Pháp Giới, Bồ Đề, Niết Bàn, Thập Địa, Đăng Giác, Diệu Giác, tất cả đều dùng thể loại kệ tụng 5 chữ; cuối cùng là bài kệ bảy chữ như sau:

Nếu ai tương ứng hiển lý này,

Chỉ dùng thân, huệ để phân tích,

Kẻ ấy sanh trong hoa sen sạch

Nghe Vô Lượng Thọ Phật nói pháp.

b) Địa Tạng Bồ Tát Nghi Quỹ, một quyển, do ngài Thâu Bà Ca La người xứ Thiên Trúc dịch vào đời Đường, Trung Hoathường dịch tên ngài là Thiện Vô Úy. Đại ý: Phật ngự tại núi Khư La Đề Da, Địa Tạng Bồ Tát bay lên không trung, nói thần chú, rồi nói cách họa tượng v.v...

Trong phần Thành Tựu Pháp, lại nói: Nếu niệm thần chú thì sẽ được diệt tội sanh thiện, xả thân sẽ sanh sang Cực Lạc. Dùng cỏ để hộ ma⁴ ba vạn biến v.v...

c) Địa Tạng Bồ Tát Diệt Định Nghiệp Chân Ngôn:

Thấy chép trong Bất Động Tập của Cam Lộ Pháp Sư ở Mông Sơn đời Tống, phần nghi thức Mông Sơn Thí Thực, chưa rõ trích từ kinh nào, mong bậc hậu hiền sẽ khảo chứng tường tận vậy. Bài chú ấy như sau:

Om, bát ra mạt lân đà nĩnh, sa ba hà.
(có bản chép chữ Lân thành “ninh”).

---o0o---

F. Chương thứ sáu: Các kinh lưu truyền khác

F.1. Kim Cang Tam Muội Kinh

2 quyển, dịch từ thời Bắc Lương. Trong phẩm Tổng Trì thứ tám, Địa Tạng Bồ Tát thưa hỏi, đức Phật giải đáp, rộng phân biệt nghĩa Vô Sanh để đoạn trừ lòng nghi của đại chúng. Kinh văn rất rộng, ai cần xin hãy tự tìm đọc.

Sau đó, lòng nghi của đại chúng đã được giải quyết, Địa Tạng Bồ Tát biệt đãi chúng đã hết nghi, bèn nói kệ tụng. Kinh chép:

*“Con biết chúng tâm ngờ,
Thế nên ân cần hỏi,
Như Lai đại từ thiện,
Phân biệt chẳng còn sót,
Cả hai chúng này đây
Thấy đều hiểu rõ cả
Con nay trọn khắp chốn
Giáo hóa khắp chúng sanh
Giống như Phật đại bi,
Chẳng buông bỏ bổn nguyện
Ở địa vị Nhất Tử⁵,
Vẫn trụ trong phiên nào”.*

Phật lại giảng rộng cho đại chúng nghe về công đức trì kinh, trì danh, kinh chép:

“Vị Bồ Tát này chẳng thể nghĩ bàn, luôn vì đại từ cứu khổ chúng sanh. Nếu có chúng sanh trì kinh pháp này, trì danh hiệu Bồ Tát này thì sẽ chẳng bị đọa trong đường ác, hết thấy chương nạn thấy đều trừ diệt. Nếu có chúng sanh trì kinh này, không còn tạp niệm khác, chuyên niệm kinh này, tu tập đúng pháp thì lúc bấy giờ Bồ Tát sẽ thường hóa thân để thuyết pháp, ủng hộ người

ấy trọn chẳng buông bỏ, khiến cho những người ấy mau đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hàng Bồ Tát các ông nếu muốn giáo hóa chúng sanh thì đều nên dạy họ tu tập Đại Thừa quyết định liễu nghĩa như thế này”.

Pháp Sư Viên Chứng đòi Minh chú giải như sau:

“Kệ chép: ‘Chẳng bỏ bốn nguyện’ mà Bồ Tát nguyện rằng: ‘Chúng sanh độ hết mới chứng Bồ Đề, địa ngục chưa xong, trọn chẳng thành Phật đạo’. Do vậy, thệ nguyện của Ngài chẳng thể nghĩ bàn, từ bi chẳng thể nghĩ bàn. Ngài cứu chúng sanh khổ nên chúng sanh chẳng thể chẳng biết báo ân. Nếu muốn báo ân Ngài thì không có cách nào khác ngoài việc trì kinh này. Nếu trì danh hiệu Ngài thì chẳng những là báo ân mà còn là tự đạt được lợi lạc rộng lớn, chẳng đọa ác đạo, diệt chướng trừ tội. Câu “các ông hiện tiền Bồ Tát” có hai duyên: Một là nên học theo Địa Tạng Bồ Tát đại từ cứu giúp khắp cả, hai là thường dạy chúng sanh tu tập kinh điển như vậy”.

---o0o---

F.2. Pháp hội Tu Di Tạng trong kinh Đại Tập

Gồm 2 quyển 57, 58 của kinh Đại Tập bộ chữ Hàm, thuộc phần Tu Di Tạng, do các vị Na Liên Đề Gia Xá và Pháp Trí người nước Ô Trành dịch vào đời Cao Tề.

---o0o---

F.2.1. Phẩm thứ hai: Bồ Tát Thiên

Phật bảo Bồ Tát chẳng đọa trong Định Tụ của Nhị Thừa, như thực quán sát, đắc Nhất Thiết Pháp Vô Ngữ Ngôn Không Tam Muội; như ngài Địa Tạng Bồ Tát đã đạt đến tự tại ở bờ kia trong tam muội này, nên có thể lợi ích hết thảy chúng sanh.

Tiếp đó, kinh văn rộng nêu các chuyện Địa Tạng Bồ Tát nhập định để lợi sanh. Kinh văn rất rộng, ở đây chỉ lược trích. Kinh chép:

“Hoặc khiến cho những vật cần dùng để sanh sống của chúng sanh như thức ăn, quần áo, ngọc cụ, vườn nhà v.v... hết thảy các sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v... đáng yêu thảy đều được sung túc. Hoặc khiến cho các bệnh phong, hoàng đả v.v... của chúng sanh cho đến các bệnh phiền não: tham, sân, si v.v..., những bệnh khổ nơi thân tâm như thế thảy đều trừ diệt. Hoặc khiến cho nỗi khổ trong ba đường ác và nóng, lạnh, các nỗi khổ: oán ghét phải gặp gỡ nhau, yêu thương xa lìa, cầu chẳng được thảy đều trừ diệt. Khiến các chúng sanh lìa hết thảy khổ não và pháp chẳng lành, thành tựu hết thảy pháp lành,

dùng từ tâm đối xử với nhau, cho đến khiến cho các chúng sanh tâm được khéo an trụ trong Đệ Nhất Nghĩa Đế”.

---o0o---

F.2.2. Phẩm thứ ba: Diệt Phi Thời Phong Vũ (diệt trừ mưa gió trái thời)

Công Đức Thiên vì Địa Tạng Bồ Tát thuật lại thế nguyện xưa kia, lại cầu Địa Tạng Bồ Tát khởi lòng từ mẫn. Địa Tạng Bồ Tát bảo Công Đức Thiên thỉnh Phật diễn thuyết Thủy Phong Ma Ni Cung Đà Ra Ni. Phật nói thần chú xong, đại địa chấn động, Địa Tạng Bồ Tát cũng nói Ma Dao Đại Đà Ra Ni.

Địa Tạng Bồ Tát nói đà ra ni xong, đức Thế Tôn lại rộng khen công đức của Địa Tạng Bồ Tát Đà Ra Ni, kinh chép:

“Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ông nay có thể giống như đại diệu dược cho hết thầy chúng sanh, diệt được hết thầy khổ não của chúng sanh, thí cho hết thầy chúng sanh những vật ưa thích, thành tựu đại bi, cho đến do sức của đà ra ni này khiến cho dòng giống Tam Bảo và Pháp Nhân được tồn tại lâu dài trong đời, khiến cho những kẻ ngu ám, bạc phước, bị ngã mạn bại hoại này và hàng sát lợi ác cùng các tể tướng chẳng tu thiện căn sẽ chẳng diệt, chẳng hoại pháp mà ta đã tinh tấn, siêng năng, khó nhọc tích tập trong trăm ngàn vạn ức a tăng kỳ kiếp như thế. Tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di không có các sự nhiễu loạn. Do không bị nhiễu loạn nên chư Thiên chẳng giận dữ. Do chư thiên chẳng giận dữ nên hết thầy chúng sanh đều được những vật vui thích như trên”.

---o0o---

F.2.3. Phẩm thứ tư: Đà Ra Ni

Địa Tạng Bồ Tát lại nói Tràng Trượng Đại Đà Ra Ni.

---o0o---

F.3. Các kinh khác

Phật thuyết La Ma Già Kinh (dịch đời Tấn, hai quyển), Hoa Nghiêm kinh (bản dịch trong niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường), Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm (bản dịch trong niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường), Hoa Nghiêm Thập Địa kinh, Đại Thừa Bản Sanh Tâm Địa Quán

Kinh, Phật Thuyết Bát Đại Bồ Tát Kinh v.v... đều có nêu danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát.

Trong Bí Mật bộ, thường có những kinh văn lễ tụng, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Chẳng hạn như:

- Trong Phật Thuyết Đại Luân Kim Cang Tổng Trì Đà Ra Ni kinh có đề cập đến việc niệm tụng Nam Mô Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát...

- Trong nghi quỹ Diêm La Vương Cúng Hành Pháp Thứ Đệ có câu:

“Nhất tâm phụng thỉnh Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát”.

- Trong Thắng Quân Bất Động Minh Vương Tứ Thập Bát Sứ Giả Bí Mật Thành Tụ Nghi Quỹ có nói vị thiên vương thứ hai mươi ba trong các Hỏa La Thiên là thân biến hiện của Địa Tạng Bồ Tát.

- Trong Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Thân Biến Gia Trì Thành Tụ Nghi Quỹ có chép chân ngôn của Địa Tạng Bồ Tát, và cũng chép kệ tụng. Nguyên văn:

*“Phương Bắc: đức Địa Tạng,
Tòa ngài cực đẹp khéo,
Thân ngự trong diễm thai⁶,
Các báu trang nghiêm đất,
Xen kẽ lẫn trang hoàng,
Bốn báu làm hoa sen,
Để thánh giả an trụ,
Kim Cang chẳng thể hoại,
Hạnh, cảnh giới, tam muội,
Danh tiếng đều lớn lao.
Có vô lượng quyền thuộc”*

Những đoạn kinh văn đã lược dẫn ở trên chưa được chép vào Đại Tạng ở phương này (Trung Hoa). Gần đây, những kinh ấy được truyền từ Nhật Bản vào, cho nên chỉ lược dẫn. Ngoài ra còn rất nhiều kinh sách khác nữa, nếu muốn biết hết, xin hãy tìm trong Đại Tạng.

Hơn nữa, trong Mật Giáo, Bồ Tát có mật hiệu là Bi Nguyên Kim Cang, hoặc còn gọi là Dữ Nguyên Kim Cang (vị Kim Cang ban cho điều mong nguyện). Trong Kim Cang Giới, Ngài thị hiện làm Tràng Bồ Tát châu hầu Bảo Sanh Như Lai ở phương Nam. Trong Thai Tạng Giới, Ngài chính là vị tôn thánh chính giữa ở ngôi thứ 9 trong Địa Tạng Viện với tôn hiệu Địa Tạng Tát Đỏa.

---o0o---

Phụ chú:

- Kinh Liên Hoa Tam Muội nói đến sáu vị Địa Tạng Bồ Tát và Thắng Quân Địa Tạng Bồ Tát.

- Kinh Diên Mạng Địa Tạng nói về Diên Mạng Địa Tạng Bồ Tát.

- Địa Tạng Bồ Tát Niệm Tụng Nghi Quỹ nhắc đến sáu vị sứ giả của Địa Tạng Bồ Tát.

Ba kinh này chỉ thấy lưu truyền trong một chi phái của Thai Mật ⁷ Nhật Bản, nghi là ngụy kinh, nên chẳng sao lục vào đây. Lại còn các thuyết Đồ Soạn cổ truyền của Nhật Bản cũng chẳng chép vào đây.

---o0o---

G. Chương thứ bảy: Chú sớ của các nhà

1. Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giải của đại sư Ngẫu Ích đời Minh; tác phẩm này đang soạn, chưa hoàn tất.

2. Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh Huyền Nghĩa, 1 quyển do đại sư Ngẫu Ích đời Minh trước thuật.

3. Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh Sớ, 2 quyển, cũng do ngài Ngẫu Ích soạn.

Trong lời bạt cuốn Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh Sớ của đại sư Ngẫu Ích, đại sư viết:

“Nhớ mùa Đông năm Tân Mùi, ngụ ở Thiên Bắc Mục, có cư sĩ Ôn Lăng Từ Vũ Hải, pháp danh là Hoảng Khải kể cho tôi nghe về bản kinh Chiêm Sát màu nhiệm này, tôi sai người qua chỗ ngài Vân Thê xin một bản. Mở ra xem một lượt, buồn vui lẫn lộn. Một ngày mùa Đông năm Quý Dậu, tôi ngụ tại chùa Tây Hồ ở Kim Đình, dựa theo kinh soạn ra sám pháp. Đầu mùa Hạ năm Ất Hợi, tôi ngụ ở am Trí Nguyệt tại Vũ Thủy, giảng diễn, phân khoa ⁸ kinh này; ngay khi ấy đã có ý nguyện soạn sớ giải, nhưng bệnh tật trầm trọng chẳng thỏa ngay được nguyện.

Bấm đốt tay đã 15 năm rồi, Phạm Võng, Phật Đảnh, Duy Thức, Pháp Hoa tôi đều đã chú giải rồi, riêng mỗi ý nguyện cũ này vẫn chưa hoàn thành nổi, cũng đáng than thở vậy. Nay là năm Canh Dần, sống ở đời đã năm mươi hai năm rồi, trăm ý niệm đã như tro tàn, chợt có mấy người đồng chí đến kết hạ tại Tàng Kinh Đường ở Bắc Thiên Mục, dốc lòng nơi Tỳ Ni (Giới Luật).

Tôi nghĩ đời mạng muốn được tịnh giới mà bỏ pháp chiêm nghiệm luân tương trong kinh Chiêm Sát đây thì không còn cách nào khác nên bèn cất bút viết vào ngày mùng Một tháng Sáu, đến ngày mười bốn thì xong. Dùng một giọt nước thêm vào biên cả, dâng một hạt bụi đắp vào núi Tu Di, tuy

chẳng ích gì cho bậc cao thâm, chỉ mong khéo lọc lõi chất sữa lạc khiến những người đồng chí với tôi cùng hưởng Đê Hồ”.

4. Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh Sớ của đại sư Ngẫu Ích đời Minh đang soạn dở, chưa hoàn thành.

5. Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh Khoa Văn, 1 quyển, do ngài Linh Thừa đời Thanh soạn.

6. Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh Luân Quán, 1 quyển, cùng tác giả.

7. Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh Khoa Chú, 6 quyển, cùng tác giả.

8. Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh Khai Mông, 3 quyển, do ngài Phẩm Điền đời Thanh kết tập, dựa theo bản Khoa Chú sao tập mà thành, nhưng lộn xộn, tạp nhạp, không đáng lưu thông.

9. Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh Diển Hiếu Sớ, 3 quyển do ngài Tri Tánh đời Thanh soạn.

10. Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh Bạch Thoại Giải (chưa hoàn tất), do ngài Hồ Trạch Phạm đời Thanh soạn.

---o0o---

H. Chương thứ tám: Các nghi thức sám hối của các nhà

1. Tán Lễ Địa Tạng Bồ Tát Sám Nguyện Nghi

1 quyển, do đại sư Ngẫu Ích đời Minh soạn.

Cuối tác phẩm này, đại sư Ngẫu Ích ghi lời tựa như sau:

“Đại pháp chìm mất đã lâu, lắm kẻ hiểu lầm, chấp Đại bát Tiểu, khắp thế gian đều vậy. Nhưng các nỗi khổ ở Địa Ngục vẫn cứ theo sau, các dư báo cam, ngọng vẫn khó hết được. Vì thế Địa Tạng từ tôn trong hội Đại Tập, hiện tướng Thanh Văn, đức Thế Tôn rộng khen đức hạnh thù thắng của Bồ Tát. Phật còn so sánh rằng: Giả như trong trăm kiếp quy y, xưng niệm, lễ cúng nơi các vị Đại Bồ Tát như Diệu Cát Tường, Quán Tự Tại, Phổ Hiền nhiều bằng số cát sông Hằng để cầu các sở nguyện vẫn chẳng bằng trong khoảng bữa ăn, quy y, xưng niệm, lễ cúng Địa Tạng Bồ Tát vì Ngài đã từ lâu tu tập kiên cố, đại nguyện, đại từ, dũng mãnh, tinh tấn, vượt hơn các Bồ Tát vậy.

Ôi, đời mạt u ra nói Đại Thừa rất dễ, nhưng tận lực hành trì Tăng hạnh thật là khó. Họ nào biết phé Tiểu, luận Đại thì Đại cũng chẳng xong. Ngộ Đại dụng Tiểu thì Tiểu càng thù thắng. Vì thế, kinh Pháp Hoa răn người hoàng kinh phải y theo bốn An Lạc hạnh; kinh Niết Bàn luận đàm Phật tánh đến cùng cực nhưng vẫn đề cao giới luật. Công đức của Đại Sĩ đặc biệt thù thắng đến thế, lẽ nào lại chẳng xuất phát từ đây ư?

Trí Húc tôi ân hận sâu xa thói quen tai ác từ đời trước, tuổi trẻ cực lực báng bổ Tam Bảo, tạo tội Vô Gian, may thiện căn chưa mất sạch, còn được nghe Bản Nguyện tôn kinh, biết lẽ đại hiếu xuất thế, chuyển tà kiến, phát sanh chánh tín, nhưng bởi dư nghiệp báng pháp, dầu siêng năng nhọc nhằn tu chứng vẫn chưa đắc pháp nhãn. Mỗi phen giờ ba kinh của Đại Sĩ ra đọc liền chẳng ngăn nổi nước mắt đầm đìa, buồn tiếc ngày xưa vô tri, càng cảm ân Đại Sĩ cứu vớt.

Nhân nghĩ nay là lúc trước trí lưu chuyên, những kẻ cùng mắc phải lỗi ấy thật chẳng ít nên kính tuân theo kinh Thập Luân và hai kinh: Chiêm Sát, Bản Nguyện, trước thuật sám pháp này mong chóng rửa sạch lỗi cũ, định hạn cầu chứng quả về sau, trọn chẳng làm hạnh Vô Y. Những người chưa chứng được chánh vị Vô Sanh đều có thể tu tập [pháp sám này] chẳng luận là sơ tâm hay người tu học đã lâu”.

Đời Thanh, pháp sư Ấn Quang trong bản trùng khắc Tán Lễ Địa Tạng Bồ Tát Sám Nguyện Nghi đã viết lời tựa như sau:

“Tâm thể vốn tịnh, nhân căn trần mà trước niệm bèn khởi. Phật tánh thường tồn, do mê muội, trái nghịch khiến phạm tình lừng lẫy. Ngay nơi sức Tịch Chiếu, lại biến thành duyên hôn động; ngay trong lẽ thường trụ, lại lâm chịu nổi khổ sanh tử. Chấp trước Ngũ Âm, chẳng biết rốt ráo đều là Không, chướng lấp nhất tâm, chẳng rõ vốn bất khả đắc. Đắm nhiễm huyễn cảnh lục trần, đọa lạc trong đường khổ tam ác, dù có trải qua vi trần kiếp số, vẫn chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi.

Vì thế, đức Thế Tôn ta riêng rủ lòng thương xót, nhân lời hỏi của Địa Tạng Bồ Tát nói ra Thập Lực Phật pháp luân để nghiền nát phiền hoặc, thành tựu đạo khí. Bởi đó, vớt bỏ ác pháp, đoạn trừ hết thấy hạnh Vô Y, tu trì thiện pháp, đầy đủ hết thấy hạnh Hữu Y. Nhưng muốn đắc Vô Sanh Pháp Nhãn thì phải sám trừ tội khiên tức thế. Nếu có thể chẳng chấp trước Ngũ Âm thì tự viên chứng được tam thân. Ngoài nương vào Phật lực, Pháp lực, Bồ Tát thế nguyện lực; trong cậy vào sức chí thành, sức sám hối, sức công đức của tự tánh nên tiêu diệt triệt để mây mù tội chướng mù mịt cả không trung, khiến bầu trời Chân Tánh sẵn có hiển hiện toàn thể. Vì thế biết ba kinh: Thập Luân, Bản Nguyện, Chiêm Sát đều do sức đại bi nguyện của ngài Địa Tạng khiến cho chúng sanh trở tội cô quạnh trong đời mạt không nơi nương dựa đều có được chỗ nương cậy lớn lao.

Đại Sư Ngẫu Ích đã chứng Pháp Thân, nương bản nguyện hồi nhập cõi này, thoát tiên hiện hình tích Xiển Đề, sau mới làm sứ giả của Như Lai. Một đời hạnh giải, sự lý viên dung, suốt đời trước thuật, tánh - tu cùng đủ, muốn cho trước trí biến thành tịnh trí, y theo ba kinh chế định sám nghi, ngõ hầu phạm tâm trở thành Phật tâm, đấy chính là điều kinh Thập Luân ngợi khen, khuyên nhắc. Gương báu đã mài, quang minh tự phát. Ma ni đã gột, trần bảo

tự tuân. Thật có thể nói là diệu pháp để phản bản hoàn nguyên, diệu đạo để ngay chính tâm này làm Phật.

Thượng nhân Hoàng Nhất vốn đã ngưỡng mộ trước thuật của Đại Sư, đặc biệt cho khắc bản kinh này để lưu thông rộng rãi ngõ hầu người hữu chí diệt vọng duyên hoặc nghiệp, chứng được chân tâm sẵn có, trên là nối tiếp huệ mạng của Như Lai, dưới là để làm gương mẫu cho đời mạt đều được thọ trì”.

---o0o---

2. Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Hạnh Pháp

1 quyển, do đại sư Ngẫu Ích đời Minh soạn.

Tác phẩm này được chia thành sáu môn:

a. Thứ nhất là duyên khởi, kinh văn như sau:

“Phàm chư Phật Bồ Tát nghĩ thương quần mê, khác nào mẹ nhớ đến con. Bởi thế, [dùng] mọi thứ phương tiện dạy thoát khổ luân, nhưng chúng sanh chẳng rõ nhân duyên nghiệp báo, nào biết đoạn ác tu thiện. Tịnh tín ngày một ít ỏi, ngũ trược ngày càng tăng mạnh. Do vậy, sự khổ kịch liệt cơ cảm bội phần ứng đến lòng Vô Duyên Từ, nên mới có bậc đương cơ tên là Kiên Tịnh Tín, cầu xin Thế Tôn rủ lòng bi cứu vớt. Phật bèn rộng tán thán công đức của ngài Địa Tạng để hồng kiên lập phương tiện.

Bởi đó, Bồ Tát dùng ba thứ Luân Tướng để chỉ bày thiện ác sai biệt, dùng hai môn Quán Đạo để dẫn về cảnh giới Nhất Thật. Nhưng kẻ nghiệp nặng phải kiên dè, chẳng được tu ngay vào Định Huệ, phải nên dựa vào sám pháp. Sau khi được thanh tịnh rồi, mới nên tu tập hai Quán, định hạn cầu quả khó gì! Đây thật là thuốc thần để trị bệnh đời mạt, là phương tiện thù thắng nhất trong các phương tiện.

Tôi thẹn chướng sâu, tuổi trẻ loạn pháp, Luật, Giáo, Thiền Tông, lẫn lộn, sai lạc nào phải một lỗi. May gặp kinh này, vệt toang đám mây mê lầm cho tôi, Lý Quán, Sự Nghi chiếu soi rạng ngời để noi theo được. Trộm dùng mười khoa hạnh pháp của các pháp sám, tường, lược sai khác đôi chút, nhất nhất tỏ bày, chút nghi dứt sạch, nào dám khoe khoang, thuật trọn duyên khởi”.

b. Thứ hai là Khuyên Tu, kinh văn như sau:

“Nếu đệ tử Phật muốn tu chánh pháp xuất thế, muốn hiện tại không có các chướng duyên, muốn trừ diệt nghiệp nặng ngũ nghịch, thập ác, vô gián, muốn cầu các vật cần dùng đều được sung túc, muốn khiến cho nạn nặng, và nhẹ đều được tiêu diệt, muốn đắc luật nghi ưu bà tắc, sa-di, tỳ-kheo thanh tịnh, muốn đắc Bồ Tát tam tụ tịnh giới, muốn chứng các thiền tam muội, muốn đạt vô tướng trí huệ, muốn cầu chứng được quả vị Tam Thừa ngay trong hiện đời, muốn tùy ý vãng sanh các Phật Tịnh Độ, muốn ngộ Vô Sanh Pháp Nhân, viên mãn chứng nhập cảnh giới Nhất Thật thì đều phải nên thọ trì pháp Sám Hối này.

Vì sao vậy? Đây là lòng từ phi thường của đức Thích Ca Như Lai, là bi nguyện xứng cơ của Địa Tạng Bồ Tát, không khổ nào chẳng cứu, không vui nào chẳng ban. Nương theo đây tu hành, tịnh tín kiên cố, như kinh đã giảng rộng, hãy nên tin chắc!”

Tiếp đó là bốn môn như trong Hành Pháp đã thuật chi tiết.

Hai sám nghi vừa nêu trên là hoàn thiện nhất. Nghi thức sám nguyện chủ yếu dựa theo kinh Thập Luân, Hạnh Pháp lấy kinh Chiêm Sát làm chính. Kế hậu học tùy theo ý thích hãy tận lực tu tập.

3. **Từ Bi Địa Tạng Bồ Tát Sám Pháp**, 3 quyển, văn từ dài dòng, hỗn tạp, chưa thích hợp để sử dụng.

4. **Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Sám Nghi**, 1 quyển, do ngài Thừa Giới đời Thanh soạn. Bản này văn nghĩa giản dị, minh bạch, nhưng vẫn chưa hoàn thiện.

---o0o---

J. Chương thứ chín: Các tác phẩm tán thuật của mọi nhà

Từ xưa đến nay, trong các tác phẩm của các tác giả, phần tán thuật Địa Tạng Bồ Tát rất nhiều; hoặc là có tác giả soạn riêng một quyển để chuyên thuật những sự linh cảm của Địa Tạng Bồ Tát. Nay vì gấp gáp, chưa thể kiểm nghiệm đầy đủ, đành chỉ ghi lại những tác phẩm tôi còn nhớ và căn cứ theo thời đại mà liệt kê trước sau như dưới đây:

1. Trong các tác phẩm biên soạn của tông Thiên Thai, thường hay dẫn kinh văn của kinh Chiêm Sát. Trong kinh Chiêm Sát, kể theo thứ tự thì thành Phật có bốn loại. Đại Sư Ngẫu Ích bảo thuyết “lục tức” của tông Thiên Thai phát xuất từ kinh này.

2. Trong các tác phẩm như Tứ Phần Luật Hành Sự Sao... của sáng tổ Nam Sơn Luật Tông (ngài Đạo Tuyên), thường dẫn kinh văn kinh Thập Luân.

3. Trong Hoa Nghiêm Kinh Truyện Ký của Quốc Sư Hiền Thủ đời Đường có tường thuật sự linh cảm của Địa Tạng Bồ Tát, nguyên văn:

“Năm Văn Minh nguyên niên (684 - Đường Duệ Tông), người đất kinh sư, họ Vương, không rõ tên, đã không có giới hạnh lại chẳng hề tu thiện. Mắc bệnh chết đi, thấy hai người dẫn đến trước cửa địa ngục, thấy có một vị Tăng, họ gọi là Địa Tạng Bồ Tát, dạy họ Vương tụng bài kệ nhất hạnh như sau:

*Nếu ai muốn cầu biết
Tam thế hết thấy Phật
Nên quán như thế này:
Tâm tạo các Như Lai.*

Bồ Tát dạy kinh văn xong, bảo: ‘Tụng được bài kệ này thì mở toang được địa ngục’. Họ Vương tận lực tụng, liền vào được bên trong gặp vua Diêm La. Vua hỏi người này có công đức gì. [Kẻ hầu cận] đáp: Chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu như trên đã kể. Vua liền thả ra. Trong lúc họ Vương tụng kệ, tiếng tụng vang đến đâu, những người thọ khổ ở đấy đều được giải thoát.

Họ Vương ba ngày sau tỉnh lại, nhớ kỹ bài kệ ấy, kể lại cho các vị sa môn nghe. Khảo nghiệm kệ văn, mới hay đó chính là bài kệ nằm trong phẩm Dạ Ma Thiên Cung Vô Lượng Chư Bồ Tát Vân Tập Thuyết Pháp thuộc quyển mười hai của kinh Hoa Nghiêm bản dịch đời Tấn⁹. Họ Vương tự đối trước pháp sư Tăng Định ở chùa Không Quán kể cận kể chuyện này”.

4. Trong tác phẩm Thích Hoa Nghiêm Kinh của ngài Thanh Lương quốc sư đời Đường, đề mục chú giải của phần thứ nhất phẩm Thập Hồi Hướng là Đại Khổ Cứu Hộ (chịu khổ thay, cứu giúp) cũng tán thán Địa Tạng Bồ Tát. Lời sơ thích như sau:

“Do chánh nguyện lúc mới tu của hàng Bồ Tát là vì chúng sanh chịu khổ nên khi đạt đến địa vị rốt ráo, nguyện lực tự tại, thường ở trong nẻo ác, cứu giúp chịu khổ thay cho chúng sanh giống như ngài Địa Tạng Bồ Tát”.

5. Theo Thần Tăng Truyện của bộ Tổng Cao Tăng Truyện thì vào niên hiệu Vĩnh Huy (650-655, triều Đường Cao Tông) đời Đường, người thuộc

hoàng tộc nước Tân La họ Kim tên là Kiều Giác đến Trung Quốc, sống ở núi Cửu Hoa. Linh tích rất nhiều, chép đủ trong truyện; tương truyền vị này là Bồ Tát Địa Tạng ứng hiện.

6. Địa Tạng Bồ Tát Tượng Linh Nghiệm Ký, 1 quyển, do ngài Thường Cẩn đời Tống soạn, được xếp vào Nhật Bản Tục Tạng Kinh. Hiện thời, tác phẩm này được xếp vào bộ Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Linh Ứng Lục.

7. Trong lời bạt viết cho Địa Tạng Bồ Tát Bản nguyện Kinh theo lời thỉnh của tỳ kheo Tánh An, đại sư Liên Trì đời Minh hạ bút:

“Kinh Địa Tạng do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch vào đời Đường; nhưng bản dịch hiện thời lại đề tên người dịch là Pháp Đăng, Pháp Cự, chẳng đề niên đại, cũng chẳng ghi xứ sở, dòng dõi [người dịch], không cách nào khảo nghiệm trong Đại Tạng được. [So với kinh văn ghi trong Đại Tạng thì kinh văn của bản lưu hành] tuy tiểu dị đại đồng nhưng nghĩa lý chẳng khác. Xét ra, để bản kinh này thực sự được lưu truyền, tin tưởng thì ắt phải [chọn bản] có căn cứ, thế nên tỳ kheo Tánh An mới thuận theo chí trước, khắc in bản Đường dịch.

Nếu ai bảo rằng bản kinh này chỉ lăm lăm bàn về nhân quả của chúng sanh, danh tướng địa ngục, chẳng có huyền luận gì, chẳng đáng để đời nay xem, nghe tới thì ôi thôi! Vải bông, đậu bắp lúc bình thời sao bằng được minh châu, nhưng lúc mất mùa hóa ra tốt quý. Cứu thế trong cơn hung hiểm đời mạt pháp, kinh này cũng có công chẳng nhỏ! Còn như “chúng sanh độ hết mới chứng Bồ Đề, địa ngục chưa không thề chẳng thành Phật” thì những kẻ thích thăm dò lẽ huyền vời vợi, hãy thử chung thân ném thử mùi vị ấy xem sao!”

8. Linh Phong Tán Địa Tạng Bồ Tát Biệt Tập, 1 quyển, do đại sư Ngẫu Ích đời Minh soạn, ngài Diển Âm đời Thanh kết tập.

Ngài Ngẫu Ích lúc còn trẻ, khi chưa xuất gia, thường báng Phật pháp, sau nghe kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản nguyện liền phát tâm xuất thế. Bởi thế, cả đời Ngài tận lực hoằng dương, tán thán Địa Tạng Bồ Tát. Trong bộ Linh Phong Tông Luận, tôi thấy rất nhiều đoạn tán dương Địa Tạng Bồ Tát. Do đó, môn đệ trích ra hết, kết tập thành một quyển riêng đặt tên là Linh Phong Tán Địa Tạng Bồ Tát Biệt Tập, nay tôi xin ghi cả vào đây để rộng truyền pháp ích. Tác phẩm này chia thành năm môn.

8.1. Liên quan đến kinh Thập Luân

Bài tựa tự ghi ở cuối bản Tán Lễ Địa Tạng Bồ Tát Sám nguyện Nghi. Xin xem lại trong chương thứ tám.

8.2. Liên quan đến kinh Chiêm Sát

a. Lời tựa bạt của Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh sớ, xin xem trong chương thứ bảy.

b. Lời tựa trong bản khắc Chiêm Sát Hạnh Pháp Trợ Duyên Sớ:

“Kinh Dịch chép: ‘Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà tích điều bất thiện ắt tai ương có thừa’. Kinh Thư chép: ‘Nhân ái dẫn đến điều tốt, giả sử có chuyện nghịch, xấu thì đó chỉ là ảnh hưởng. Làm thiện thì trăm điều tốt lành giáng xuống, làm ác thì trăm điều tai ương giáng xuống’. Thuyết nhân quả báo ứng chưa từng chẳng hiển hiện rõ ràng trong thế gian. Nhưng Nho giáo chỉ luận việc đời này, chưa đủ để dứt hết mọi ngờ vực của kẻ ngu. Từ khi kinh Phật du nhập Trung Hoa, giảng rõ đủ nhân quả ba đời, tạo ích lợi cho sự hiểu biết còn hơn những điều tố ngộ của Nam Cung lẫn đức hạnh của Khổng Tử, sự lý chẳng ngoa. Thế nhưng Tam Tạng còn nói một cách quyền biến, chỉ giảng về nhân duyên sanh pháp, chưa giảng thẳng vào nhân duyên vô tánh, vì thế mới bảo: ‘Phật chuyển được hết thủy nghiệp, nhưng chẳng chuyển được định nghiệp’.

Đến trong hội Đại Thừa, Phật mới rộng tỏ lòng từ sâu xa phi thường, lập phương tiện thù thắng, lạ lùng, nương theo lý ‘vạn pháp duy tâm, duyên sanh vô tánh’, lập ra hai pháp sám Thủ Tướng¹⁰ và Vô Sanh để gồm suốt đến cùng cực cách tác pháp. Kể từ đó về sau, tội không phân lớn nhỏ, chướng chẳng luận cạn sâu, y giáo hành trì, thủy đều tiêu diệt như vàng mặt trời rạng rỡ giữa hư không, sương móc nhanh chóng tan biến.

Kẻ mê muội bảo tội nặng mới nên sám hối, cứ khai tạo tội môn. Ấy chẳng những chẳng hiểu lòng từ của Phật, Bồ Tát, mà cũng nào hiểu đạo nghĩa của Nho gia. Khổng Tử bảo: ‘Có lỗi mà chẳng chịu sửa đổi là càng lỗi; lo buồn nếu vẫn còn một chút lỗi, trọn không còn chút lỗi nào vẫn lo lắng’. Điều ấy đã minh thị đầu mối để tự đổi mới con người vậy. Vả nữa, tội có nặng nhẹ, đâu phải là nhất loạt như nhau, thế pháp không trị nổi, nhưng Phật pháp trị được. Tác pháp chẳng trị được thì Thủ Tướng trị được. Thủ Tướng chẳng trị được thì Vô Sanh trị được. Đây chính là pháp giải thoát lìa khổ rốt ráo; chẳng thể chẳng quy công về Phật môn, mà cũng chẳng thể chẳng quy công về các bậc đại sĩ Quán Âm, Địa Tạng vậy. Quán Âm ứng hiện mười phương cõi, hữu duyên nhất trong đời ngũ trước. Địa Tạng đạo trong Sa Bà ngũ trước, lòng bi đặt nặng nhất nơi chốn tam đồ. Như cha mẹ bình đẳng yêu mến con cái, nhưng vẫn lo lắng hơn cho những đứa con nhỏ dại hay yếu đuối.

Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đây thật đúng là cầu bến bậc nhất cho kẻ đa chướng trong đời mạt. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát đã ân cần cầu thỉnh, Thích Ca Mâu Ni Phật trân trọng phó chúc, lợi khắp ba căn, đầy đủ cả bốn Tát Đàn¹¹, không chướng nào chẳng trừ, không nghi nào chẳng phá. Ba thứ

luân tướng đều là nương theo lý để thành sự, cho nên có thể dùng ngay chính sự để đạt lý. Hai thứ quán đạo hoàn toàn là dùng chính ngay sự để nhập lý, chưa hề chấp lý bỏ sự.

Đã thế, kinh còn thuật rõ sám pháp, tức là Thủ Tướng chính là Vô Sanh, ngay từ đầu đã chỉ thẳng, khai thị xung danh, quán pháp thân, quán tự thân chóng cùng một thể. Cho đến khéo nói an ủi, các thứ phương tiện khéo léo chẳng trái nghịch Thật Lý. Hai quyển kinh này đã bao quát đại cương của một đời giáo hóa, nêu bày trọn yếu lãnh của Tánh, Tướng, Thiên Tông, phơi bày hết tâm lòng khổ thiết của Phật, của Tổ.

Tôi y theo kinh lập sám, cư sĩ Trình Dụng Cửu cúng tiền và khuyến mộ thiện tín góp sức in xong. Đây chính là muốn tự lập cho mình, lập thành cho người, muốn mình đạt thành, khiến người thành đạt. Ai bảo học Phật chẳng phải là phận sự của nhà Nho ư!”

c. Thư gởi cho Trâm Phủ Thọ, Phủ Đôn:

“Chiêm Sát Hành Pháp tuy được Côn Ngọc khắc bản in kinh, nhưng nếu chẳng nhiều phen kết đàn thì trọn chẳng đạt được tướng mộc luân thanh tịnh, như vậy thì làm sao khiến thiên hạ đời sau tin tưởng được? Nay hãy nên thể bày trận dựa lưng vào nước, đóng tử quan mà lẽ đi”¹².

d. Thư gởi Thánh Khả, có đoạn:

“Tôi bất tiếu, tội lỗi nơi tam nghiệp chẳng ít, tâm như tạp loạn thì làm sao cảm được tướng mộc luân thanh tịnh? Bởi vậy, phát tâm thẹn hổ, tự lui xuống làm người chỉ mới Tam Quy, thề chẳng làm ông thầy mô phạm cho chúng, thề chẳng nhận sự lễ bái của người khác, thề chẳng ra khỏi núi. Thề đạt được luân tướng thanh tịnh, chẳng luận là trăm ngày, ngàn ngày, sáu năm, chín năm, lấy cái chết làm hạn. Từ tạ việc ở Gia Hưng xong, từ đây sẽ từ tuyệt mọi sự!”

e. Thư gởi Liễu Nhân và hết thầy Tăng, tục có đoạn:

“Tống Nho nói: ‘Tài quá đức thì bất tường, danh quá thực ắt có họa, màu mè quá thực chất thì chẳng thể tồn tại lâu được’. Húc tôi một thân mắc đủ cả ba căn bệnh ấy, nên chẳng lạ gì chuyện tôi cứ kẹt mãi nơi địa vị phàm phu, chẳng vượt lên bậc thánh nổi!

Húc tôi lúc 12, 13 tuổi, nhân phóng túng học đạo bèn báng Tam Bảo, tội ấy đáng đọa ngục Vô Gián, chẳng thuộc trong [số những kẻ được cứu vớt bởi] bốn mươi tám nguyện của đức Di Đà. Thiện căn chưa diệt sạch, ngầm được sức gia bị của hai vị đại sĩ Quán Âm, Địa Tạng nên chuyển nghi thành tín, chuyển tà quy chánh. Từ năm 20 đến nay, tận lực hoằng truyền chánh pháp hồng tiêu tội báng pháp.

Khổ nổi phiền não sâu dày, với các giới phẩm chỉ có nói được chứ không làm được. Tiết Trung Nguyên năm Quý Dậu, rút thăm xin thôi lui làm một Bồ Tát Sa Di¹³. Ấy là vì làm tỳ kheo đời nay thì thừa sức, nhưng làm một vị sa di thời cổ thì lại chưa xứng, thế sao không bỏ cái thừa để bù đắp cái thiếu? Túc chương sâu nặng, bệnh ma vẫn vít, từ đây ẩn cư nơi Cửu Hoa, tưởng là đã có thể trọn đời ẩn cư. Hơn nửa năm, lại dần dần đồn đại, dần dần lan qua Tân An, Mân Địa, Thiều Thành, Tuy Lý, Lưu Đô, hư danh càng thịnh, thật đức càng khuyết. Mùa Hạ này hai lượt mắc phải bệnh lạ, cầu chết không xong. Bình nhật, tuy tôi huệ giải rạng rỡ, chứ thực chưa từng được đại thọ dụng!

Vả như một cuốn Chiêm Sát Hạnh Pháp đây, suy cặn nghĩ kỹ rồi mới dám tuân theo cách thức xưa mà soạn thành, chỉ giữ lấy những điểm tinh giản, cốt sao không trái nghịch ý kinh. Ở Tây Hồ, tôi lẽ bốn thất chẳng được tướng mộc luân thanh tịnh. Năm ngoái lẽ hai thất vẫn chẳng được.

Năm nay, vào núi lễ một thất thêm một ngày vẫn chẳng được. Lúc lễ sám, phiền não, tập khí hiện khởi càng thêm dị thường. Vì vậy, tôi phát tâm quyết định, bỏ sạch tất cả tịnh giới của Bồ Tát Sa Di, chỉ làm một đệ tử Tam Quy, đơi gặp dịp tốt, vào núi bế quan ngàn ngày, cầu Phật, Bồ Tát từ bi cứu bạt. Nếu chẳng được vậy đành nát mớ xương này trong quan vậy”.

f. Trong Văn Sám Nguyện nhân dịp đặt tượng Phật, Bồ Tát lên tòa, có đoạn:

“Tùng nghe công đức tạo tượng thật có thể diệt tội trừ khiên, lễ bái sám-ma thật có thể rửa lòng gột ý. Tôi vừa phát lòng thành, góp của dựng sửa một tượng Phật, hai tượng Bồ Tát, bèn phát thệ nguyện: luôn lễ bái nghi thức Chiêm Sát Hạnh Pháp, chẳng cần biết đến năm tháng, chuyên cầu tướng mộc luân thuận thiện. Dầu chúng sanh cầu trước nặng nề, Phật, Bồ Tát vẫn chẳng chán bỏ, ắt các ngài sẽ vì đại bi thương xót độ thoát tôi, khiến cho tôi từ nay về sau, tâm chẳng chao động, thân được khinh an, giữ gìn lỗ miệng, chẳng thốt lời thêu dệt, lời ác, thanh tịnh tâm ý, chẳng khởi tạp tư, dục giác, mau được thanh tịnh tam luân (thân, khẩu, ý), quyết đạt đến tự lợi, lợi tha, phổ hóa chúng sanh đồng sanh Tịnh Độ”.

g. Trong bài tựa tặng cho ông Thạch Tông nhân dịp yểm quan lễ sám luân tướng, Tô viết:

“Xưa làm tỳ kheo thẹn thùng nhiều nỗi bèn lui xuống cầu mong vắng lặng. Nay lại hổ thẹn với chân nghĩa Sa Di, bèn chỉ xưng là đệ tử Tam Quy, dám đâu đem lời xưng tụng người. Nhưng tôi trộm thấy kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo vốn xuất phát từ tâm đại bi triệt để của đức Đại Thánh Thích Ca, là phương tiện phi thường của Địa Tạng Bồ Tát. Ba thứ Luân Tướng khéo chỉ bày nghiệp báo nhân duyên vô ngại. Hai phép Quán Đạo tỏ rõ sâu xa phương tiện tiến lên để đạt Đại Thừa. Dùng Ngũ Hối Xưng Danh để bắt đầu nhận rõ bốn lai diện mục, lấy cảnh giới Nhất Thực để hướng về bình đẳng.

Ngũ Hối¹⁴ đủ sức dứt trừ tình chấp thế gian, Nhị Quán đủ sức dứt trừ vọng tưởng chấp trước. Sám hối phát lộ: vĩnh viễn đoạn diệt [sự ác] nối tiếp, diệt nghiệp chướng. Khuyến thỉnh thuyết pháp: diệt ma chướng. Tùy hỷ

công đức: diệt tật đố (ganh ghét, ghen ty) chướng. Thiện xảo hồi hương: diệt chướng chấp có. Phát nguyện kiên cố: diệt chướng lui sụt, quên mất.

Duy Tâm Thực Quán: trước hết biết rõ ngoại cảnh vốn hư giả, chỉ do tâm biến hiện; kế đó, hiểu thấu nội tâm như huyễn, trọn không có gì là chân thật.

Chân Như Thực Quán: Thâm đạt dù cảnh hay tâm cũng chỉ là pháp tánh. Pháp tánh chẳng sanh, chẳng diệt; vì thế bản thể của các pháp đều chẳng sanh, chẳng diệt. Như ngàn bọt nước, vạn con sóng đều cùng chung tánh thấm ướt, ngàn vật muôn tượng đều chung tánh vàng.

Ngũ Hồi phá chuyển vô thi Sự chướng; Nhị Quán phá chuyển vô thi Lý chướng. Hai chướng đã sạch liền thành hai thân: chân thân và ứng thân; trong một niệm phát khởi viên mãn tam tụ tịnh giới

Nhưng, đối với tướng tam luân thanh tịnh, tôi cần phải riêng mình biểu thị để thủ tín; hòng hiển thị: dù Trụ Trì Tăng Bảo đã tuyệt vẫn có thể tiếp nối được, như lời Mạnh Kha đã nói: “Kẻ hào kiệt không được như Văn Vương: nghe đến liền biết, chẳng khác gì trông thấy mà biết...” Than ôi! Tôi biết được đại ý kinh Chiêm Sát bèn y kinh lập sám, nhưng chưa đạt được luân tướng thanh tịnh thì ai mà tin được nổi. Đây thật là kê thuốc nhưng không uống, lỗi chẳng phải tại thuốc! Toa hay, thuốc hay rành rành sẵn đủ, Địa Tạng Bồ Tát quyết chẳng lừa tôi. Lỗi ở tôi đã biết mà chẳng chịu uống, thế sẽ uống lấy.

Pháp hữu Thạch Tông thấu hiểu lòng tôi trước hết nên cũng yểm quan cầu được thanh tịnh. Nguyên ai nấy nỗ lực, tháng ngày bồi đắp thuốc, kiêng những thứ kỵ thuốc, tránh phong hàn¹⁵, ngày sau sẽ cảm được chân thân Xá Na, phiến đá Linh Phong sẽ cùng ngọn núi Linh Thứu bậc nhất cùng gặt đầu vậy”.

h. Bài văn viết trong dịp hoàn mãn Đại Bi Sám Đàn ở Tô Đường có đoạn viết:

“Trí Húc năm 46 tuổi tự thẹn thùng lắm nổi, thối lui thành người chỉ mới thọ Tam Quy, siêng lễ Thiên Phật, Vạn Phật và Chiêm Sát Hạnh Pháp. May được chư Phật đại từ, đại bi ban cho luân tướng thanh tịnh ngay trong ngày Nguyên Đán tháng Giêng, cũng tự an ủi đôi chút”.

(Nhận xét:

Ngày Rằm tháng Bảy năm Quý Dậu, lúc 35 tuổi, Đại Sư lùi xuống làm Bồ Tát Sa Di, rồi phát tâm lễ Chiêm Sát Sám Pháp. Năm Giáp Thân lúc Ngài 46 tuổi, Đại Sư lùi xuống làm người thọ Tam Quy. Đúng Nguyên Đán năm Ất Dậu, lúc 47 tuổi, Sư bèn đạt được luân tướng thanh tịnh, đắc tỳ kheo giới).

i. Chiêm Sát Hạnh Nguyễn Văn (Đại Sư viết bài văn này sau khi đã được luân tướng thanh tịnh một năm, tức là Bính Tuất) có đoạn:

“Quy mạng đáng từ oai khôn sánh, đạo trọng yếu đẹp khổ, ban vui xuất thế chân thật. Định lực trừ được kiếp tam tai (hỏa tai, thủy tai, phong tai), bậc cứu thế chân sĩ rủ lòng từ cứu vớt. Đệ tử Trí Húc đau đớn nghĩ kiếp trước khó thể trốn tránh, đao binh đua nhau nổi lên. Tuy bảo là đồng phận vọng kiến¹⁶, nhưng thực sự không điều gì chẳng phải là do làm lạc mà chiêu cảm cả. Nghiệp cũ khó truy, nhưng sự sắp đến có thể chọn lựa. Bởi thế, con với mấy người đồng chí (10 người) quyên góp tịnh tài, bày biện cúng dường, ba ngày phương tiện, bảy ngày chánh tu, đúng pháp kết đàn thanh tịnh, đánh lễ Chiêm Sát Hạnh Pháp. Sáu thời hành đạo, Ngũ Hối luyện tâm; ai cầu đồng thể đại bi, khẩn xin vô duyên cứu vớt.

Cúi nghĩ: Chúng sanh chướng cấu tuy cực nặng, cực sâu, Tam Bảo lòng từ mênh mông chẳng chán, chẳng bỏ. Nếu một niệm biết sửa lỗi, ắt sẽ thuận cho kẻ ấy tự thay đổi mới. Huống nữa, Thích Ca được khen ngợi là bậc dũng mãnh tối thắng, Địa Tạng đại sĩ thệ nguyện chẳng dối. Con yếu đuối, cha thương hơn đứa mạnh, con kém cỏi, mẹ càng thương quá thể. Xót con ngu si, bò lê té giếng, bèn dùng thân, tay, áo, địu¹⁷ giúp cho.

Ngưỡng mong: Hào quang chiếu thấu, tiêu can qua để trời tốt, mây lành; pháp vũ thấm nhuần, chuyển tà nghiệt thành giống thiêng, mầm đạo. Những mong mưa hòa gió thuận, quốc thái dân an, chánh giáo lưu thông, tà ma trốn biệt. Lại nguyện tỳ kheo Trí Húc thân không bệnh khổ, tâm thoát kết triền, giữ cân bằng được Định lẫn Huệ, Thừa và Giới đều cùng thanh tịnh. Mong người lãnh xướng pháp xã dù kéo dài ba năm vẫn giữ vẹn lời nguyện khác nào một buổi. Các vị... ai nấy thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, khắc trừ tập khí, gắng tu pháp môn, tam học (Giới, Định, Huệ) viên thành, nhị nghiêm (Phước và Huệ) khắc chứng, nối huệ mạng Phật, lợi khắp trời người.

Lại nguyện tăng tục tùy hỷ ngoài đàn, hiểu ngộ Nhất Thật, khai hiển ba nhân, tu trọn Nhị Quán, chúng vẹn Tam Nhẫn. Lại nguyện những vị trợ duyên ngoài đàn, rộng đến pháp giới hàm thức được thấy hay nghe, hoặc chẳng thấy nghe, đều gieo căn lành như nhau, cùng hưởng lợi ích thù thắng.

Lại nguyện Giang Bắc, Giang Nam, cho đến toàn trong cõi Chấn Đán (Trung Hoa), những người gần đây gặp phải nạn binh hỏa, tiêu trừ các thứ nợ nần, oán hiềm mỗi mỗi đều cởi mở, thoát nổi khổ khóc liệt chôn u minh, siêu thăng chôn thai sen. Kính nguyện pháp giới Tam Bảo, Địa Tạng Thánh Sư chân thật chứng tri, chân thật nhiếp thọ”.

j. Bài Hóa Trì Địa Tạng Bồ Tát Danh Hiệu Duyên Khởi (Duyên khởi khuyên trì niệm danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng) có đoạn:

“Cái thiết yếu nhất của chúng ta không gì bằng tự tâm. Trong thế gian không có gì khéo tỏ rõ tâm yếu bằng Phật pháp. Nhưng không có Tăng, Phật pháp chẳng truyền được; không có Giới, Tăng Bảo chẳng lập được. Giới chính là giềng mối của Phật Pháp, là đường trọng yếu để minh tâm.

Buồn một nỗi chánh giáo ngày càng chìm lấp, lắm kẻ tập theo thói tục. Đầu trục, áo thâm mà chẳng biết giới Tỳ Kheo là cái gì! Một hai vị hoàng truyền Luật học truyền theo Thế Đế, khai, già, trì, phạm còn chẳng hiểu tí nào! Huống là tăng thượng oai nghi, tăng thượng tịnh hạnh, tăng thượng ba la đề mộc xoa ư! Huống hồ là nương theo Tứ Niệm Xứ tu hành, tăng tâm, tăng huệ để thành tựu tam tụ ngũ chi nữa ư?

Chao ôi! Chao ôi! Chẳng hiểu tam tụ ngũ chi mà bảo là Đại Thừa Tăng Bảo, tôi chẳng dám tin! Tăng đã hữu danh vô thật, mà bảo là truyền trì Phật pháp, tỏ rõ tự tâm, tôi càng chẳng tin hơn nữa! Kiên Tịnh Tín Bồ Tát xót thương, thưa hỏi Thích Tôn, đức Thích Ca càng bội phần thương xót, giao Đại Sĩ Địa Tạng đảm đương trách nhiệm. Đại Sĩ lại càng thương xót sâu xa, bèn nói ra kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo.

Kinh dạy: ‘Kẻ ác nghiệp nặng nhiều, chẳng được học ngay vào Định Huệ, trước hết phải tu sám pháp. Vì cớ sao vậy? Người ấy tâm ác đã quen tập từ trước rất mạnh mẽ, hiện tại ắt cũng lắm phen hủy phạm trọng cấm. Nếu chẳng sám trừ cho sạch mà tu Định – Huệ thì sẽ nhiều chướng ngại, quyết chẳng thể đạt được, hoặc mất trí, lầm loạn, hoặc bị ngoại tà khuấy rối, hoặc nhận lãnh tà pháp, tăng trưởng ác kiến. Vì thế cần phải tu sám hồi trước. Nếu giới căn thanh tịnh và trọng tội đời trước đã nhẹ mỏng thì sẽ lia được các chướng’.

Kinh còn dạy: ‘Dù học tín giải, tu Duy Tâm Thức Quán, Chân Như Thực Quán mà thiện căn nghiệp mỏng manh, chẳng thể tiến triển được, chẳng tạm khuất phục được các ác phiền não, trong lòng ngờ khiếp, sợ hãi và [bị] các thứ chướng ngại [khác] thì hãy nên trong mọi lúc, mọi nơi, thường siêng tụng niệm danh hiệu của ta. Nếu được nhất tâm thì thiện căn tăng trưởng, tâm ý mạnh mẽ, sắc bén. Hãy quán xét pháp thân của ta và của chư Phật và thân của chính mình thể tánh bình đẳng, không hai, không khác, chẳng sanh, chẳng diệt, thường, lạc, ngã, tịnh; công đức viên mãn đáng để quy y.

Lại quán tâm tướng tự thân: vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, như huyễn, như hóa, đáng nên chán lia. Quán như thế thì mau tăng trưởng được tâm tịnh tín, tất cả các chướng ngại dần dần tổn giảm. Người ấy được gọi là người học tập, nghe danh hiệu ta. Nếu tâm như bản tạp loạn, tụng niệm danh hiệu ta thì chẳng thể gọi là “nghe” [tên ta] vì chẳng thể sanh tín giải quyết định, chỉ đạt thiện báo thế gian, chẳng được lợi ích rộng lớn thâm diệu’. (Chín câu trên đều là tóm tắt kinh văn).

Than ôi! Theo đó mà suy, giới chẳng thanh tịnh thì Nhị Quán quyết chẳng dễ tu thành. Nhị Quán chẳng tu không cách nào chứng nhập, khế hợp Nhất Thật. Vậy thì muốn cho giới căn thanh tịnh mà bỏ sám hối, trì danh thì còn có phương tiện nào nữa đây?

Vả nữa, một pháp trì danh nếu nói thiên cận thì ngu phu, ngu phụ chẳng ai là không thể nhép miệng được; nếu bàn sâu xa thì chẳng đạt Pháp Thân bình đẳng, tâm còn tạp loạn như bản, sẽ chẳng được gọi là “nghe” vậy! Bởi thế biết rằng: lấy Nhị Quán làm chỉ nam, tu tập được Nhị Quán mới gọi là “nghe” được danh hiệu Bồ Tát. Lấy nghe danh làm phương tiện, chân thật trì danh lại chính là gồm trọn Nhị Quán.

Vì thế, nghe danh nghiệp chướng thanh tịnh, nghiệp chướng thanh tịnh nên đạt được giới. Do đặc giới nên Định-Huệ phát sanh, Định Huệ như một, thật sự chứng nhập vậy! Minh tâm kiến tánh là chân Tăng Bảo, chân truyền Phật pháp. Bọn ta sanh vào đời mạt, nghe pháp chân thật này sao không nỗ lực tự gắng lên?

8.3. Liên quan đến kinh Bản Nguyên

a. Trong lời tựa tác phẩm Trì Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Kiêm Khuyến Nhân (Tự trì kinh và khuyến người khác thọ trì kinh Địa Tạng Bản Nguyên) của cư sĩ Kính Tâm, Tô viết:

“Ôi! Thánh mê niệm liền thành cuồng, cuồng chánh niệm liền thành Thánh. Lẽ nguy hiểm, nhỏ nhiệm ấy đã rõ vậy. Phật pháp cũng thế, một niệm mê, cõi Thường Tịch Quang biến thành địa ngục A Tỳ; một niệm ngộ, A Tỳ địa ngục liền thành cõi Thường Tịch Quang. Bởi thế, kinh Địa Tạng Bản Nguyên cùng một huyết mạch với kinh Hoa Nghiêm.

Hãy xét xem: Hoa Nghiêm thế giới chính là Không, chính là Giả, chính là Trung chẳng thể nghĩ bàn; các nỗi khổ trong địa ngục cũng chính là Không, chính là Giả, chính là Trung chẳng thể nghĩ bàn. Hoa Nghiêm giảng về cõi Tịnh Độ vốn sẵn có trong tự tâm cho người biết mà quay về; kinh Địa Tạng giảng sự khổ sẵn có trong tự tâm để người ta biết mà tránh. Một quay về, một tránh né, chỉ thú¹⁸ khác xa nhau, nhưng cũng quy về tự tâm. Ngoài tâm quyết chẳng có pháp khác.

Nhà Nho nói đạo chỉ có hai: nhân và bất nhân mà thôi; nguy sao, nhỏ nhiệm sao? Thích thiện và ham lợi chính là cửa ải phân chia giữa vua Thuần và Đạo Chích, còn hay mất [thiện tâm] chính là điểm phân biệt giữa người và thú. Ai đọc đến kinh Bản Nguyên mà chẳng nghĩ chuyện tự lợi, lợi tha, thoát địa ngục, về với Hoa Nghiêm, thì ắt phải là kẻ bất nhân cùng cực.

Cư sĩ Kính Tâm thương xót, đã cả đời thọ trì lại còn khuyên người, tôi bảo: Vừa phát tâm ấy, nổi khổ trong địa ngục ngay lập tức đã ngưng mất cả. Hoan hỷ viết tựa để thay cho pháp giới chúng sanh phổ khuyến vậy”.

b. Sớ đọc trong pháp hội Hoa Nghiêm ở Phù Dung Các núi Hoa Sơn như sau:

“Tôi hay nói kinh Địa Tạng Bồ Nguyện và kinh Hoa Nghiêm tám mươi quyển có thể hỗ trợ lẫn nhau. Hoa Nghiêm dạy về Phật cảnh giới, xứng tánh chẳng thể nghĩ bàn; kinh Bồ Nguyện giảng về cảnh giới địa ngục, cũng xứng tánh chẳng thể nghĩ bàn. Một kinh là thuận theo tánh mà tu, hưởng thọ niềm vui pháp tánh chẳng thể nghĩ bàn; một kinh là nghịch tánh mà tu, chịu đựng nổi khổ chẳng thể nghĩ bàn. Thuận, nghịch tuy khác nhưng toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh, vẫn là một.

Một niệm mê lầm tánh chẳng thể nghĩ bàn của Phật giới thì ngay nơi ý niệm đó, cõi Thường Tịch Quang hóa thành non đao, rừng gươm, lò than, vạc sôi. Một niệm ngộ tánh chẳng thể nghĩ bàn của địa ngục thì những khí cụ khổ độc trong Nê Lê (địa ngục) ngay trong ý niệm đó biến thành Phổ Quang Minh điện, Tịch Diệt đạo tràng. Mê, ngộ tuy khác, tánh đức chẳng tăng, chẳng giảm; lại cũng là một. Nhưng tánh đức dù chẳng tăng giảm, chẳng phải là thuận, nghịch chẳng thuộc về mê, ngộ; nhưng mê thì liền nghịch tu trong cửu giới, liền cảm hai khổ báo: phần đoạn tử và biến dịch tử.

Ngộ thì thuận tu trong Phật giới, liền thành hai thứ chuyển y: Bồ Đề, Niết Bàn. Mê là Tam Hoặc, ngộ là Tam Trí. Nghịch tu là thập ác, ngũ nghịch; thuận tu là lục độ, vạn hạnh. Sanh tử là tam giới, tứ tướng; chuyển y là tam thân, tứ đức¹⁹. Khổ chính là Pháp Thân, Hoặc chính là Bát Nhã, Nghiệp chính là Giải Thoát. Ngạn ngữ nói: “Đẩy người hay nâng người chỉ cùng một tay thôi; khen người hay chửi người chỉ là một miệng thôi”.

Đại Phật Đảnh là như nước thành băng, băng lại tan thành nước, chẳng tin nổi hay sao? Tôi tin chín đóa Phù Dung²⁰ đây có thể tiêu biểu cho chín hội của kinh Hoa Nghiêm; há nào phải là kinh Địa Tạng Bồ Nguyện chỉ bàn về địa ngục, nhân quả, sự tướng mà thôi!

Huống nữa, Hoa Tạng thế giới an trụ trong đại liên hoa, Như Lai thành đạo cũng ngồi trên hoa sen báu. Nhưng các tên địa ngục Ưu Bát La, Ba Đầu Ma v.v... cũng là tên các loài hoa sen xanh, hoa sen đỏ, đủ thấy một tên, một dụ, một sự, một pháp thầy đều có đủ thập giới, chỉ vì đương nhân mê hay ngộ, thuận hay nghịch mà thành như thế đó thôi. Pháp tánh chẳng thể nghĩ bàn, thể chẳng phải là các tướng, nhưng chẳng ngại các tướng phát huy; sao còn phân chia địa ngục và Tịch Quang nữa vậy?

Nguyện các vị Khai Sĩ suất lĩnh các đàn-việt liền lấy đó làm nhân duyên thuận tu, khai phát chánh ngộ thì hai núi Thiết Vi chính là Kim Cang Bồ Đề Đạo Tràng, không cho ngọn lửa huyễn hiện sen vàng, đây là đại diệu vậy!”

8.4. Liên quan đến Diệt Định Nghiệp Chân Ngôn

a. Lời sớ khuyên trì tụng Diệt Định Nghiệp chân ngôn đến số lượng bằng hết thủy thế giới, trang nghiêm thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát:

“Đức Thích Ca bảo chẳng cứu được định nghiệp là để làm nguội lạnh cái tâm tạo tội. Địa Tạng Bồ Tát nói Diệt Định Nghiệp Chân Ngôn để vỗ về khách đã cùng đường. Húc tôi lúc nhỏ học theo Đông Lô²¹, thường bán Tây Càn; được Quán Âm đại sĩ chạm đến, nhiếp thọ, sau nghe Địa Tạng Bồ Tát nguyện tôn kinh, mới phát đại tâm, thề làm cứu giới trống không. Nay được dự vào hàng Tăng, tu tập thọ giới, đều là do từ nguyện [của Đại Sĩ] ngầm gia bị, thật chẳng ngoa vậy.

Nhưng tôi nghĩ Sa Bà tẻ ác, ba thứ Hoặc, Nghiệp, Khổ tụ lại như chĩa ba; vô thượng Đề Hồ đều thành độc dược. Người trì luật tuy vâng giữ y bát, nhưng trọn chẳng hiểu tác, phạm, chỉ, trì. Người tu tập Giáo chỉ thờ ngoài miệng, ngoài tai, Thiền Na, lý quán mù mờ, không hề sờ đắc. Kẻ tham Thiền lưu loát cơ cảnh²², đùa giỡn tinh thần, đối với cội nguồn chân chính của tâm và Phật, không một mảy thật chứng. Một môn Tịnh Độ khá hợp với thời tiết, căn cơ, nhưng khổ nổi hay bị biến thành thối thác, chưa khế hợp bất khả tư nghị Đại Thừa. Rõ ràng do nghiệp nặng, chương sâu, trước trí lưu chuyển, nên dẫu có bậc Thánh vẫn chẳng biết làm thế nào!

Riêng mình đức Địa Tạng bi sâu, nguyện nặng, chuyên thương xót kẻ ương ngạnh. Tà tâm sâu nặng của tôi trong lúc ấy mà Ngài còn chuyển được, khiến cho tôi được chánh tín xuất gia thì Ngài sẽ chuyển được chúng sanh không biết lỗi lầm trong cả đại địa, khiến họ quay về với lẽ chân thật, nào có khó gì!

Vì vậy, đối trước Tam Bảo phát tâm, muốn tạo ngôi Vạn Phật điện bằng đồng, trong thờ tượng Đại Sĩ để vĩnh trấn Cửu Hoa. Tôi bèn thọ phép ngày chỉ ăn một bữa, kết đàn một trăm ngày, trì Diệt Định Nghiệp chân ngôn năm trăm vạn biến. Lại khuyên Tăng, tục những ai có đại tâm hoặc trì mười vạn hoặc trì trăm ngàn vạn để cộng chung thành mười vạn vạn, biểu thị con số tam thiên đại thiên thế giới. Dem tổng số ấy dâng trước tượng Đại Sĩ để làm khoán ước rộng hóa độ mười phương đến tột cùng vị lai vậy”.

b. Trong quyển 1 của bộ Linh Phong Tông Luận, có chép Tục Trì Hồi Hướng Kệ để bổ sung cho Tổng Trì Sớ, Diệt Định Nghiệp Chú Đàn Sám Nguyện Văn (văn sám nguyện trong đàn tràng trì tụng chú Diệt Định

Nghiệp) và những câu đề cập đến chú Diệt Định Nghiệp trong các bài nguyện văn khác thấy đều khuyết lược chưa sao lục được. Nếu muốn xem đủ, xin hãy tìm xem vậy.

c. Thư đáp câu hỏi của ông Hoàng Trĩ Cốc (gồm 2 đoạn) như sau:

Hỏi: Phật chẳng diệt nôi định nghiệp, có sao Địa Tạng Bồ Tát lại có Diệt Định Nghiệp chân ngôn? Và đã hiểu rõ tội phước vốn không, sao lại nói như thế?

Đáp: Nghiệp cùng với báo đều là hiện lượng của tự tâm. Tâm không thì hết thấy đều không; tâm giả thì hết thấy đều giả, tâm trung thì hết thấy đều trung. Nhưng phạm phu chẳng hiểu năng tạo (người tạo nghiệp), sở tạo (nghiệp được tạo), năng thọ, sở thọ, đương thể tam đức bí tạng nên cứ sốt sáng dốt chí tạo ác nghiệp nặng dày, nên ắt phải chiêu lấy khổ báo dày nặng, đây gọi là “định nghiệp”. Tâm họ đã định, chẳng thể vấn hồi, thì đấng Đại Giác cũng chẳng thể làm cho [định nghiệp ấy] tiêu diệt được. Vì thế, đấng đại từ, đại bi khéo bày phương tiện, sai Địa Tạng Bồ Tát nói chú khuyển họ trì, tức là chuyển định tâm của họ cho dần dần tiêu diệt.

Bởi đó, công năng của Bồ Tát hoàn toàn là công năng của Phật. Phật đã chẳng ở, Bồ Tát cũng chẳng ở, rốt cục chỉ là cái tâm của đương nhân trong một niệm tin nhận trì chú mà thôi. Đây chính là ý chỉ “Đã thấu đạt tội phước vốn là không”; vốn chẳng phải là bài bác không nhân quả vì đương thể của tội phước, nhân quả chính là không, mà cũng chính là trung, là giả. Hễ mê thì diệt và bất diệt đều chẳng hiểu tận gốc; còn đạt rồi thì diệt và bất diệt trọn chẳng trở ngại gì đến không cả. Cổ nhân bảo: “Thế nào là vốn sẵn là không? Là nghiệp chướng. Thế nào là nghiệp chướng? Vốn sẵn là không”. Hiểu được hai câu này rồi thì liền thoát được vết cũ cáo hoang vậy! ²³”

Hỏi tiếp: Rốt lại, vì sao Phật chẳng tự nói? Bởi Phật nói chẳng thể diệt được [định nghiệp] cho nên vẫn còn nghi ngờ?

Đáp: Để giải mỗi nghi ấy, cần phải biết ba nghĩa:

a) Một là chư Phật thuyết pháp ắt đều theo đúng bốn nhân duyên Tất Đàn. Có kẻ nghe đức Phật nói sanh hoan hỷ, sanh thiện, diệt ác, nhập lý thì Phật liền tự nói, như các chú Lăng Nghiêm, Tôn Thắng đều là chú để diệt định nghiệp vậy. Có kẻ nghe Bồ Tát nói mà sanh hoan hỷ, sanh thiện, diệt ác, nhập lý thì Bồ Tát phải nói, như chú này, chú Đại Bi v.v...

b) Hai là tội chẳng tự diệt, chẳng tha diệt, chẳng cộng diệt, chẳng vô nhân diệt, nhưng có thời chỉ nói là tự diệt, tức là nói tâm không, nghiệp không. Có lúc nói tha diệt, như nói Phật lực, Bồ Tát lực. Có lúc nói cần phải “cộng diệt”, cùng nêu nội nhân và ngoại duyên. Có lúc nói “vô nhân diệt”, nghĩa là: chẳng phải tự, chẳng phải tha, đều là bốn nhân duyên Tất Đàn. Nếu không liền thành Tứ Đế.

c) Ba, chẳng thể diệt là nói theo phương diện Tích Phật ²⁴ trong Tam Tạng. Người diệt được tội là người thuộc về Viên Giáo, như kinh Hoa Nghiêm nói: “Mới phát tâm đã hơn Mâu Ni” cũng giống như vậy.

Biết được ba nghĩa ấy rồi thì không có pháp nào là chẳng thông đạt.

8.5. Các trước tác khác

a. Bài phát nguyện trước tháp Địa Tạng ở núi Cửu Hoa:

*“Kính lạy đức Từ Bi đại nguyện vương,
Bốn nguyện tâm địa Như Lai tạng,
Cứu thế chân thật khéo võ về,
Hiện tướng Thanh Văn để hộ pháp,
Nguyện dùng bốn thế độ chúng sanh
Xét con lòng thành, thương gia hộ,*

Trí Húc xưa tạo ương họa sâu, trẻ dại trong đời mạt, tuy thọ Giới phẩm, khinh phạm lắm nhẽ, dẫu tập Thiên tư, thô hoặc chẳng đoạn. Tụng Đại Thừa chỉ hiểu theo nghĩa, xưng niệm danh hiệu chưa nhập Chánh Định. Trông ra ngoài, ma đảng tung hoành, đau lòng nhức óc. Trong thấy phiền não chao động toi bời, thẹn trời hổ đất. Lại vì ác nghiệp, chịu đủ bệnh khổ. Đau Sa Bà tệ ác, than chìm đắm vô phương. Do vậy, gương bệnh vào núi, khẩn cầu Đại Sĩ, cầu Bồ Đề trong muôn kiếp, phó thân mạng cho phù vân. Đốt hương sáu lọn trên cánh tay. Ba lọn hương cúng Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát: vô số hóa thân trên trời Đạo Lợi, hiện tướng Thanh Văn trong hội Đại Tập thắng diệu, Bồ Tát hiện tướng Thanh Văn, sáu căn tụ hội, thiện xảo thuyết pháp.

Một lọn sám hối lỗi nặng tam nghiệp, sát nghiệp, dâm dật, chê bai, hủy báng Tam Bảo, tội lỗi nơi miệng, ác niệm cho đến những lỗi như từ trước, và các việc chẳng hoàn toàn đúng như pháp sau khi mắc bệnh. Những tội như thế nguyện đều tiêu trừ.

Một lọn để cầu bốn nguyện: luật nghi thanh tịnh, đoạn Hoặc, chứng chân, khỏe mạnh lâu dài, không bệnh, rộng làm việc phước.

Một lọn để dứt lưới nghi, hoặc là trước đã lễ sám cầu tịnh luật nghi, hoặc là trước đã tu Thiên đoạn trừ phiền não, hoặc là trước đây đã đọc Kinh Tạng để mở mang huệ giải, hoặc trước đã lập hạnh để mở rộng phước duyên, chỉ mong bậc Cứu Thế Chân Sĩ, Đại Trí Khai Sĩ, bậc thấy biết hết thảy, bậc chẳng quên nghĩ tới chúng sanh đều rủ lòng thương, xét soi mở toang đám mây mê mờ cho con. Con lại đối trước đáng Đại Từ Bi Phụ, vẩy máu, khắc tim phát nguyện như thế này: Nếu còn một chúng sanh chưa thành Phật thì con chẳng chứng Niết Bàn trước. Giả sử túc nghiệp lôi kéo con vào ác đạo, nguyện Đại Sĩ lòng từ sâu rộng thường giác ngộ con, khiến con niệm niệm nhớ đến Bồ Đề tâm, khiến cho Bồ Đề tâm liên tục chẳng đoạn. Nếu túc chướng nhẹ bớt, nguyện Đại Sĩ oai thần khiến con sớm thành tựu Niệm Phật

tam muội, quyết sanh trong thế giới của Phật A Di Đà, nương bốn nguyện lực vào trong vô biên sát hải phổ độ hữu tình, đến tột cùng đời vị lai chẳng hề chán mỏi”.

b. Bài khuyến hóa đúc tượng Địa Tạng bằng sắt:

“Hồng chung đủ tánh vô biên âm, vừa gõ, vẳng ngay tới Thiết Vi. Địa Tạng viên mãn đồng thể đại bi, vừa chiêm lễ liền mau được cứu bạt. U Minh giác ngộ hãy nên mong, chướng duyên hiện tại hãy nên chuyển; Linh Phong mang ý nguyện lễ Ngài, đã đúc chuông, thỉnh chuông; lại nghĩ đến tượng Ngài bèn tạo tượng. Tuy [tượng ngài được] vẽ vời, sơn khắc [khác nhau], tánh đều giống như hư không; nhưng nay lại đúc tượng ngài thuần bằng gang để tiêu biểu sự kiên cố bất hoại.

Tứ đức không bụi trần nhưng phải nhờ một trần để hiển hiện trọn vẹn. Tam thân không tướng, nhưng phải dùng ảnh tượng để khéo léo tỏ bày. Xin bậc cao hiền cùng hành đàn thí: Giúp cho sắt như chánh nhân phát tâm, có thể đạt diệu quả Pháp Thân; giúp than giống như liễu nhân phát tâm, có thể ngộ quang minh Bát Nhã; giúp thức ăn, vật dụng như duyên nhân phát tâm, có thể đặt nền tảng cho giải thoát, thần thông.

Từ nơi Đại Sĩ phát ra tâm ấy, chính là toàn tánh khởi tu. Do các thiện tín thành được tượng này, chính là toàn tu tại tánh. Sự như thế, lý như thế, nhân như thế, quả như thế, chân ngữ, thật ngữ, hãy nghĩ kỹ, hành cho chắc”.

c. Bài Khuyến Hóa Cúng Dường Dầu Thắp Đèn Trong Lễ Cúng Hải Đăng ở núi Cửu Hoa:

“Thuở kiếp sơ thân người có ánh sáng, chẳng cần nhờ đến mặt trời, mặt trăng. Thân quang giảm dần, nhật nguyệt sanh ra. Nhưng nhật nguyệt có lúc chẳng chiếu, nên tiếp đó bèn có đèn lửa. Công đức của đèn lửa chẳng phải chỉ giống như công đức của mặt trời, mặt trăng mà thôi. Nhật, nguyệt thuộc về bi điền; đốt đèn cúng dường đủ cả bi lẫn kính.

Vả nữa, Địa Tạng đại sĩ do vô duyên từ, tâm đồng thể đại bi, thị hiện trụ trên đỉnh núi Cửu Tử, cứu khắp trần sa hàm thức. Tháp thiêng nhục thân, bốn biển quy y. Do vậy mới có lễ cúng Hải Đăng.

Phải biết rằng: Một tia sáng chiếu phổ trọn tự tánh diệu minh, duyên thiện đã áp, chánh nhân, liễu nhân cùng hiển. Nếu bảo đấy là sự tướng, là trần duyên, là chẳng quan hệ gì với tu chứng thì là lìa sự bàn lý, lìa cảnh tìm tâm, lý tựa lông rùa, tâm đồng sừng thỏ. Ai đem vạn thiện trang nghiêm để thành quả Lương Túc đó vậy?

Xưa có kẻ trộm vật của nhà chùa, xẻ đèn cúng Phật, còn cảm nhiều kiếp chịu báo sắc thân u ám, huống là kẻ hảo tâm thí cúng, nương lòng từ bi của Đại Sĩ cầu được chiếu soi lòng lộng trong nẻo u đồ, mới tiếp nối được đèn huệ của Như Lai, rạng rỡ đuốc báu pháp giới. Dù tự hay tha đều mở toang ả

tối trong đêm dài, chứ nào phải chỉ là quả báo sung sướng trong chốn sanh tử mà thôi đâu! Xin mau phát tâm, đừng để sau này phải hối!”

d. Văn khuyển hóa kiến tạo tháp Chúng Tăng ở núi Cửu Hoa:

“Phước điền có hai là bi điền và kính điền. Kính điền chú trọng đến điền (đối tượng được mình cúng dường, làm phước). Bi điền đặt nặng về tâm.

Cúng xá lợi phước ngang hư không, đó là Kính Điền. Thương xót đến cả mớ xương khô, muôn đời xưng là đấng Nhân Chủ, đấy là Bi Điền.

Một điền công đức đã bất khả tư nghị, huống là tu đủ cả Bi lẫn Kính. Và nữa, La Hán Tứ Quả chứng nhập Vô Sanh, vĩnh viễn lìa bỏ Ngã Chấp, đã nhập Niết Bàn thì chẳng quý gì nắm xương khô. Phạm phu tỳ kheo chưa đoạn nôi Tư Hoặc, nếu như thi hài cốt tênh hênh, ắt thần thức sẽ bất an. Thần thức bất an thật đáng thương vậy. Đường đường Tăng Bảo là bậc nên kính vậy.

Huống hồ phạm thánh khôn lường, thần thánh sâu kín, rần rờ ở lẫn, sao có thể dùng nhục nhãn để biết vị này là phạm tăng, chẳng phải là đại sĩ ứng hóa cho được? Vì thế, cúng dường một bộ xương lẽ đâu chẳng đủ hai điền bi, kính?

Cửu Hoa là thiên hạ đệ nhất danh sơn, nhưng xương khô vẫn phơi tênh hênh trong chốn hoang vu, nhức mắt, đau lòng. Lúc tôi mới đến núi, luôn lấy việc này làm chuyện quan tâm hàng đầu. May có các bậc kỳ lão, ra sức cổ vũ, chẳng nề vụng dốt, xướng lên tiếng nói đầu tiên. Có ai thấy, nghe, tùy hỷ, chẳng luận là Tăng hay tục, dù ít dù nhiều, đều đã gieo nhân tối thắng, ắt đạt quả vô thượng. Kính thì thành Phật đạo có thừa, Bi thì sẽ độ sanh vô lượng. Bèn có kệ rằng:

*Tăng tướng đường đường
Là biển phước đức
Dầu thành xương mục,
Phước tánh nào đôi!
Dựng tháp cúng dường
Ắt lên Phạm Thiên,
Huống còn tán đồng,
Đâu chẳng được vậy?
Đại Sĩ thị hiện
Xương rã xanh bầm
Ổng khóa hoàng kim,
Chấp tay, khảy ngón²⁵
Chân nhân đành rành,
Lấy gì làm chứng?
Diệu Pháp Hoa Kinh!”*

e. Thư gởi tặng chúng thường trụ núi Cửu Hoa:

“Năm trước dạo gót núi báu, đối với hết thầy hành giả giữ luật thanh tịnh, tưởng như Địa Tạng Đại Sĩ; đối với một hai vị chẳng câu nệ tiểu tiết cũng tưởng họ giống như Chí Công, Tế Điền... Cõi đất thánh đạo tràng, rần rờng hỗn tạp, phạm thánh lẫn lộn, chẳng dám dùng con mắt trâu, dê để suy xét xằng, tự chiêu lấy trọng tội vô gián. Chợt nghe trong núi có chút lộn xộn. Tuy Bồ Tát thị hiện ngăn ngừa, nhưng kinh có dạy: ‘Thà phá ngàn giới Phật, chẳng để người ngoài biết’. Sách vở thế gian cũng chép: ‘Người đất Hồ (Hồ Nam, Hồ Bắc), đất Việt (Quảng Đông) thù địch nhau, nhưng ngồi thuyền gặp gió ngược thì liền cứu giúp nhau như tay phải với tay trái’.

Cửu Hoa thật sự là nơi Địa Tạng Bồ Tát hóa hiện. Đại chúng trong núi không ai chẳng phải là con cháu thật sự của ngài Địa Tạng, chẳng biết trải bao kiếp tu hành mới đến được chốn danh sơn phước địa này; bèn vì chuyện hờn giận nhỏ nhặt một buổi mà chẳng bằng được người đất Hồ, đất Việt ngồi chung một thuyền, chẳng khác nào: “Một hạt cải che trời, một hạt bụi phủ kín đất” đó ư?

Trí Húc tôi bất tiểu, tuổi nhỏ vô tri, hủy báng Tam Bảo, tội đầy hư không, nương nhờ lòng từ sâu xa, thệ nguyện nồng hậu của Địa Tạng Đại Sĩ dẹp tan tà kiến của tôi, khiến được dự ké vào chúng Tăng; bởi thế, nay tôi xưng mình là viên quan cô độc của Địa Tạng Bồ Tát. Đại chúng trong núi đều là ấu chúa của tôi. Quan không ý niệm khinh vua, nhưng có chức trách can gián vua; chỉ là thật dạ hoảng sợ, dập đầu, rạp đầu, xa hướng về núi báu, bày tỏ lời thưa trung thành:

- Kính xin các sư, ai nấy bỏ tâm nhân ngã thị phi, nghĩ đến thể thống của sơn môn, pháp môn, cùng tu Vô Trách Tam Muội, vĩnh viễn phát huy đạo phong của Đại Sĩ. Cổ nhân nói: “Nhà không tiểu nhân, chẳng thành quân tử”. Dù có kẻ thật sự chẳng phải là quyến thuộc của Đại Sĩ, cũng nên dùng lòng từ khoan thứ, khiến kẻ ấy dần dần gieo trồng thiện căn thì mới nên vậy!”.

f. Tán vịnh hình tượng Địa Tạng Từ Tôn

1) Đồng thể đại từ,
Vô duyên hồng thê,
Tổ của ngàn Phật,
Dòng dõi quần sanh,
Định nhập sát trần
Châu treo tam thế²⁶
Luân tướng phá nghi,
Biện tài hiển Đế (chân đế)
Muốn cho giới học lại rạng
Đánh lễ chẳng nề số lượng,

2) Người ta chỉ biết ngài cứu khổ địa ngục, chẳng biết ngài không đâu chẳng hiện. Người ta chỉ biết ngài phù trì lúc lâm chung, chẳng biết ngài không lúc nào chẳng niệm.

Ba bộ kinh vương,

Hai thứ diệu quán.

Thập Luân khuông phò mặt pháp,

Tam luân xé toạc lưới nghi

Đây chính là pháp môn thần tốc bậc nhất trong vô lượng pháp môn, đâu có gặp hay chẳng gặp, tựa hồ thấy hay là chẳng thấy. Đứa con bất hiếu một đời cực lực đề cao, riêng hứa quy y, tin tưởng không gián đoạn. Nếu còn một sự hoài nghi, xin hỏi nên lấy pháp thân nào khác để hoàn mãn nữa?

3) Chúng sanh đọa lạc địa ngục đều do phá giới trọng chương. Đại Sĩ vào ngục cứu khổ, chỉ hiện giới tướng Thanh Văn, chẳng giảng giải, phân tích Pháp Thân, chỉ giảng đề cao chuyện hướng thượng. Đây là vô tác diệu sắc, chúng sanh tánh sẵn có trong nhà. Cầm minh châu, giới thân kiên cường, Địa Tạng: ai ai cũng là Địa Tạng.

4) Ngũ thừa gồm trọn hiểu từ tâm

Thật đúng y vương nguyện lực thâm

Trăm rễ, nhánh cây nào sót bỏ

Khấp trong đại địa thầy tri âm.

g. Bài ca đuôi bệnh :

Đỉnh Cửu Hoa mây mù phủ đẫm

Ba, Tư hai tháng rét căm căm

Quần kín áo tàn nằm ngất ngưỡng,

Hơi ẩm trôn xa, mắt biệt tăm

Ngọn suối Cửu Hoa quen nếm vị,

Ngàn giòng trăm lũ cuốn băng băng

Nhật lấy quả thông phơi nắng ráo

Dùng thể sâm nhưng trị bệnh mình

A Nan cách nhật, mình ba bữa

Bệnh tật chao ôi khó nổi lành,

Sao vẫn đêm ngày luyện hoa đóm

Thương ta biết cửa, chữa về nhà

Bởi thế tri danh hằng chăm chăm

Mong khai đồng thể diệu tam từ

Bịnh ta hết, chúng sanh hết bệnh

Sát na chẳng chóng, kiếp nào lâu.

h. Lễ ngàn đức Phật ở Lầu Tàng Kinh núi Cửu Hoa, tặng các bạn năm bài kệ:

* Dưa ngọt chớ thay bằng mướp đắng
Chồn chồn Từ Tôn sẵn nghiệp nhà
Niệm tánh uổng xem trăng đáy nước
Cúi đầu đã ngự bạch ngu xa.

* Bụi trần vết sạch đắp đời, non
Một trận từ phong sạch chẳng còn
Thiết Vi thôi nát còn đâu tối,
Cần gì dụi mắt hỏi đường quang!

* Thói xưa năm cũ sát na quên,
Năm hết Xuân về trời ấm lên
Những tướng Côn Luân tràn mạch suối
Chỉ thấy sông băng khó vượt lên.

* Một điểm thông linh tánh vốn thông,
Chạm cảnh đối tình đạo tự dung,
Bỗng nhiên cùng lúc âm vang vọng
Lầu báu cùng nhìn vẫn ở trong

* Một thể chia ra tướng với tình
Lạnh lùng xét kỹ hóa vô sinh
Ngũ hồi công thành phiền hoặc sạch
Lâu cao chi nhọc dạ kết minh?

Mùa Xuân năm Bính Tuất, huyễn du Thạch Thành, tùy duyên duyệt Đại Tạng để thỏa nguyện cũ, đêm mộng thấy đắp tượng Địa Tạng Đại Sĩ; thân, đầu đã thành, nhưng chưa nặn xong chân, tay, xúc cảm làm bài phú:

“Mưa dầm mênh mông, khách nghĩ miên man. Chim kêu ai oán, đổi sang cảnh mới. Mạch học ngàn năm biết gởi gắm vào ai, nổi sầu vạn cổ chỉ tự mình biết.

Trong gương, gương mặt bệnh hoạn đã suy quá rồi. Trong mộng, hình tướng từ bi thân vẫn khuyết. Khi nào đèn xong nợ văn ngôn, sẵn vào núi thăm về chốn chữa bệnh cũ”.

9. Địa Tạng Bồ Tát Hạnh Nguyên Ký, 1 quyển, do ngài Hiền Âm đời Thanh soạn.

10. Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Linh Cảm Lục, 1 quyển, do cư sĩ Lý Viên Tịnh soạn vào đời Thanh.

11. Địa Tạng Đại Sĩ Thánh Tích, 1 quyển, do Phạm Huyền Tu soạn vào đời Thanh.

12. Địa Tạng Bồ Tát Vãng Kiếp Cứu Mẫu Ký (Truyện Địa Tạng Bồ Tát cứu mẹ trong các kiếp trước), 1 quyển, do Ưng Phụng Trì soạn vào đời Thanh.

13. Địa Tạng Bồ Tát Cửu Hoa Thùy Tích Đồ Tán (tranh và thơ tán thán sự ứng hóa của Địa Tạng Bồ Tát tại núi Cửu Hoa), 1 quyển, do Lư Thế Hâu đời Thanh vẽ.

14. Cửu Hoa Sơn Chí, chưa hoàn tất, do ông Hứa Chỉ Tịnh đời Thanh biên soạn. Bản Sơn Chí đã ấn hành chưa được hoàn thiện, không đáng để lưu thông.

---o0o---

K. Chương thứ mười: Vấn đáp trừ nghi

1) Hỏi: Chương thứ nhất đã bảo Địa Tạng Bồ Tát là tên thông dụng được dùng trong các kinh, nhưng vì sao gần đây người trì danh Ngài đều niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, chưa rõ nên tuân theo cách nào thì tốt hơn?

Đáp: Kinh Chiêm Sát quyển thượng, phân dạy rõ về cách chiêm nghiệm nghiệp báo có ghi: “Nhất tâm thừa rằng: Nam Mô Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát”, chuẩn theo đó, khi trì danh nên xưng Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát là đúng. Nếu vì câu dài khó trì tụng được thì có thể lược chữ Ma Ha Tát đi, chỉ đọc Nam Mô Địa Tạng Bồ Tát. Nhưng nếu có ai quen niệm theo cách cũ: “Nam Mô Địa Tạng Vương Bồ Tát” cũng nên thuận theo sự ưa thích của họ, vì cách niệm ấy phù hợp với danh xưng được ghi trong Đại Thừa Bản Sanh Tâm Địa Quán Kinh.

2) Hỏi: Kinh Thập Luân nói: Trong trăm kiếp chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường các vị Đại Bồ Tát như Di Lặc, Văn Thù, Quán Âm, Phổ Hiền vẫn chẳng bằng trong khoảng một bữa ăn, quy y cho đến cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Kinh Bản Nguyên cũng bảo: các vị Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc nguyện còn chưa xong xuôi, Địa Tạng Bồ Tát đây đã phát thệ nguyện trong kiếp số nhiều như trăm ngàn ức hằng hà sa. Chuẩn theo hai kinh này, Địa Tạng là cao nhất, còn các vị Đại Bồ Tát kém cõi hơn ư?

Đáp: Các Đại Bồ Tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc cho đến Địa Tạng đều thị hiện ở địa vị Đẳng Giác, nhưng các ngài chẳng có cao thấp, sai khác, nhưng chúng sanh đã kết pháp duyên từ nhiều kiếp đến nay chẳng phải là không có sâu cạn khác nhau. Vì thế, ước về sự cơ cảm thì tựa hồ có hơn kém, nhưng nếu ước về vị trí của các Bồ Tát, nhất định chẳng thể nói là có hơn kém được.

Địa Tạng Bồ Tát có đại nhân duyên đối với các chúng sanh trong thế giới này nên đức Thích Ca mới riêng tán thán Bồ Tát là tối thắng để làm cho chúng sanh tín tâm kiên cố, thấy đều khát ngưỡng, lãnh thọ sự giáo hóa của Bồ Tát mà đắc độ vậy.

3) Hỏi: Vì sao trong kinh Địa Tạng lại giảng rộng về quả báo nhân thiên, chẳng hề khuyên lơn, khen ngợi chuyện vãng sanh Tịnh Độ?

Đáp: Trong kinh Bốn Nguyên tuy chưa nói rõ điều ấy, nhưng trong các kinh khác khuyên khen rất nhiều, nay xin nêu đại lược vài kinh:

Kinh Địa Tạng Thập Luân chép: “Sẽ sinh cõi Phật tịnh, là chỗ đạo sư ở”; lại chép: “Sẽ sanh Phật tịnh độ, xa lìa các lỗi ác”; lại chép: “Chẳng lâu sau sẽ an trụ trong cõi Phật thanh tịnh, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề”; lại chép: “Mau trụ cõi Phật tịnh, chứng đắc Đại Bồ Đề”.

Trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, như kinh văn đã trích dẫn trong ba chương đầu: “Người ấy xả thân cũng có thể tùy nguyện vãng sanh tịnh Phật quốc độ ở phương khác”, còn chép: “Nếu ai muốn sanh về các cõi tịnh trong hiện tại ở phương khác thì hãy nên chuyên ý tụng niệm danh hiệu của đức Phật ở thế giới ấy, nhất tâm bất loạn, quyết định sẽ được sanh về tịnh độ của đức Phật ấy”.

Trong Địa Tạng Thịnh Văn Pháp Thân Tán, như trong chương thứ năm đã trích dẫn bài kệ bảy chữ: “Người ấy sanh trong hoa sen sạch, nghe pháp Phật Vô Lượng Thọ nói”.

Trong Địa Tạng Bồ Tát Nghi Quỹ như đã dẫn trong chương thứ năm: “Xả thân xong sanh Cực Lạc”.

Hơn nữa, trong tác phẩm Chiêm Sát Hạnh Pháp của đại sư Ngẫu Ích, như phần kinh văn đã dẫn trong chương thứ tám: “Muốn được tùy ý vãng sanh tịnh Phật quốc độ thì phải nên thọ trì tu hành pháp sám hối này”. Bởi thế, lời phát nguyện tối hậu trong Hạnh Pháp là: “Xả thân, đời sau sanh trước Phật; đích thân phụng sự Di Đà, đi hầu hạ khắp các đức Phật; được thọ ký, trở vào trần lao, nhóm khắp các kẻ mê cùng về Bí Tạng”. Đại Sư soạn ra Hạnh Pháp, đề cao kinh văn của kinh Địa Tạng Chiêm Sát, khen ngợi, khuyên lơn vãng sanh, đủ chứng thực vậy.

4) Hỏi: Chúng Tăng đời sau cho rằng: Bài Văn Tán Thán Địa Tạng đang được lưu truyền chưa trang nhã, bóng bẩy, chẳng đáng để vãng dùng. Nay

muốn đối trước Bồ Tát xưng dương, tán thán các công đức thì nên xưng bài kệ nào mới là thù thắng?

Đáp: Bài kệ tôi dùng là hai bài kệ soạn theo ý được diễn giải bởi kinh văn trong phẩm Tựa của kinh Thập Luân. Lại nữa, bài kệ Thuật Tán trong Sám Nguyện Nghi của Đại Sư Ngẫu Ích diễn ý đoạn văn trường hàng trong kinh Thập Luân, nêu bật thánh đức không điểm nào chẳng hoàn bị, khen ngợi Chỉ - Quán. Nay tôi cũng sao lục sau chương này để kết thúc quyển Thánh Đức Đại Quan này.

* Hai bài kệ tán thán soạn theo kinh Thập Luân:

Bài thứ nhất

Kho tàng thất thánh tài,
Âm thanh Phật vô úy
Là tràng báu thù thắng
Của các vị Bồ Tát
Đầu quý của chúng sanh
Là thành cho kẻ sợ,
Nhu trắng sáng soi đường
Sanh căn lành như đất
Phá Hoặc như kim cang,
Giả sử trong trăm kiếp,
Khen nói công đức Ngài,
Vẫn còn chưa hết nói
Nên đều phải cúng dường.

---o0o---

Bài thứ hai

Một ngày khen công đức,
Tiếng tăm ngài Địa Tạng
Còn hơn câu chi kiếp
Nêu đức bậc trí khác,
Chúng sanh trong năm đường
Bị các khổ bức bách
Có khổ đều trừ cả
Hiện ra các thứ thân
Vì chúng sanh thuyết pháp
Thí công đức đầy đủ
Thương xót các chúng sanh
Giả sử trong trăm kiếp,
Nói khen công đức Ngài

Vẫn còn chưa hết được
Vì thế nên cúng dường.

Kệ tán trong Sám Nguyện Nghi của đại sư Ngẫu Ích:

Nam mô Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát,

Dùng sức thân thông, hiện thân Thanh Văn, là kho lớn của các công đức vi diệu, là chốn xuất sanh các trần bảo giải thoát, là tròng mắt sáng sủa của các Bồ Tát, là người dẫn đường cho các thương nhân tiến đến Niết Bàn, như châu Như Ý mưa các cửa báu, mong cầu điều gì đều được trọn đủ. Chiêu người làm lành khác nào mặt nhật rạng ngời, soi người lạc đường hết như đuốc sáng. Trừ nóng phiền não như trăng trong mát. Ngài làm cầu đò để vượt bốn dòng, Ngài làm thuyền bè để đến bờ kia. Dẹp các ngoại đạo như sự tử chúa. Hàng các thiên ma như đại long tượng. Giúp kẻ hoảng sợ như người thân, như bạn bè. Ngừa các oán địch như thành, như lũy. Cứu các nguy nạn hết như cha mẹ. Giấu kẻ khiếp nhược giống như rừng rậm. Khiến các hữu tình thiện căn chẳng hoại. Hiện cảnh giới diệu khiến chúng vui sướng. Khuyến phát hữu tình tăng trưởng tâm quý. Khiến kẻ cầu phước huê được đủ trang nghiêm, hay vô công dụng chuyên đại pháp luân. Công đức thù thắng chẳng thể suy lường. Tu lâu đại nguyện, đại từ kiên cố, dũng mãnh tinh tấn vượt các Bồ Tát. Trong khoảng bữa ăn, chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường, khiến cho hết thảy đều lia ưu khổ, những điều cầu nguyện mau được viên mãn, đặt yên trong đường sinh thiên, Niết Bàn. Bởi thế, con nhất tâm quy mạng đảnh lễ.

Địa Tạng Bồ Tát Thánh Đức Đại Quan hết

(Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa dịch xong ngày 17 tháng 5 năm 2003)

---o0o---

Hết

¹ . Lược một đoạn không dịch vì Đại Sư thuyết minh cách ấn loát kinh văn trong bản in lần thứ nhất tác phẩm này. Văn bản dùng để dịch ở đây là phiên bản điện tử không trình bày theo cách ấn loát được Đại Sư đề cập trong lời tựa.

² . Nguyệt Ái châu là một loại bảo châu theo truyền thuyết có thể làm nước đục hóa thành trong.

³ . Ruộng thực: là ruộng đã được trồng cây từ lâu, đất đã “thuần” nên sản lượng cao.

⁴ . Hộ ma (homa): dịch nghĩa là Hỏa Cúng Dường, là một cách tác pháp trong Mật Tông; hành giả dùng cỏ tranh, trầm, các dược liệu, mè, bơ, đề hồ, vật thực vừa tụng chú vừa đổ vào lửa để cúng dường Bồn Tôn.

-
- ⁵ . Địa vị Nhất Tử là địa vị Đẳng Giác Bồ Tát, coi như con một của thập phương chư Phật.
- ⁶ . Diễm thai: tức là vàng quang minh tỏa sáng rực như hình những ngọn lửa bao quanh thân, lửa này tượng trưng cho trí huệ mạnh mẽ thiêu đốt mọi si ám,
- ⁷ . Thai Mật tức là Mật Tông theo truyền thống Thiên Thai của Nhật Bản. Ở Nhật Bản có hai trường phái Mật Tông chính: Chân Ngôn Tông (còn gọi là Đông Mật, Đông Tự Mật giáo) do ngài Không Hải sáng lập và Thai Mật. Thai Mật tổng hợp giáo nghĩa của Thiên Thai, Mật Tông, Thiền và Luật mà thành. Thai Mật bắt nguồn từ tông Thiên Thai của ngài Tối Trừng, nhưng người tập thành hoàn bị Thai Mật là đại sư Viên Nhân, Viên Chân và An Nhiên. Thai Mật về sau phân chia rất nhiều các chi phái nhỏ.
- ⁸ . Phân khoa: chia kinh văn thành từng chương đoạn
- ⁹ . Do sự tích này, trong khoa Mông Sơn Thí Thực cúng thí cô hồn mỗi chiều tại các tự viện luôn có đọc bốn câu kệ này (nhưng dùng bản Đường dịch):
Nhược nhân dục liễu tri,
Tam thế nhất thiết Phật
Ứng quán pháp giới tánh,
Nhất thiết duy tâm tạo.
(Nếu ai muốn biết rõ
Tam thế hết thấy Phật
Hãy quán tánh pháp giới,
Hết thấy do tâm tạo).
- ¹⁰ . Thủ tướng sám hối: Phương pháp sám hối cầu thấy những điềm lành ứng hiện để ấn chứng tội chướng của mình đã tiêu. Vô sanh tác pháp là sám hối bằng cách quán sát tội tính vốn không, không còn chấp vào tướng nữa.
- ¹¹ . Tứ Tắt Đản: hoan hỷ, phá ác, sanh thiện, nhập lý (thông hiểu đệ nhất nghĩa đế)
- ¹² . Bày trận dựa lưng vào nước, đóng tử quan mà lễ: Khi xưa để buộc quân phải quyết chiến, Hàn Tín bày trận xoay lưng ra sông. Quân sĩ phải liều

chết chiến đấu vì nếu khiếp nhược lùi lại sẽ bị địch quân đẩy lùi xuống sông. “Đóng tử quan” (yểm tử quan) nghĩa là bế quan nhập thất chuyên tu đến chết mới thôi. Tổ dùng hai điển tích này để khuyên các vị họ Tràm phải tinh tấn chuyên tu lễ sám như quân lính bị đặt vào hiểm địa phải liều chết phấn đấu.

- ¹³ . Bồ Tát Sa Di: ý tổ nói mình không xứng đáng làm tỳ kheo, chỉ xin làm vị sa di giữ Bồ Tát giới.
- ¹⁴ . Ngũ Hồi là 5 chi phần tác pháp của việc sám hồi gồm: phát lộ (xưng bày tội lỗi), khuyến thỉnh thuyết pháp (khuyến mời chư Phật, Bồ Tát thuyết pháp), tùy hỷ công đức, hồi hướng, phát nguyện. 5 chi phần này dựa theo mười nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát mà lập ra. Nhị Quán là Duy Tâm Thức Quán và Chân Như Thực Quán.
- ¹⁵ . Ở đây, Tổ ví dụ việc tu tập như dùng thuốc: “Tháng ngày bôi đắp thuốc” là thực hành tu tập sám pháp, kiêng thứ kỳ thuốc và tránh phong hành là tránh những nguyên do khiến việc tu tập bị tán loạn. Chân Thân Xá Na là báo thân Lô Xá Na của Phật. Tương truyền, xưa có vị cao tăng giảng đạo cao huyền, đá nghe cũng gật đầu tán thưởng.
- ¹⁶ . Đồng phận vọng kiến: cái thấy biết sai lầm của những người mang cùng nghiệp lực. Chẳng hạn những người cùng sống trong một đất nước, cùng chủng tộc thì sẽ cùng nhận biết, chia sẻ nghiệp cảnh giống nhau.
- ¹⁷ . Địu: một thứ đồ dùng bằng vải của người Trung Hoa, gồm một tấm vải dài có may bốn sợi dây buộc, thường thêu hoa và có màu đỏ, mẹ đặt con vào địu, cho con ôm lưng mẹ, rồi buộc dây giữ quang vai và bụng mẹ để có thể vừa làm lưng vừa trông con.
- ¹⁸ . Chỉ thú: tông chỉ và thú hướng. Giáo môn hay giáo nghĩa được một bộ kinh đề cao, đặc biệt tuyên dương gọi là tông hay tông chỉ. Mục đích hướng về hay pháp môn tu hành mà bộ kinh quy kết lại gọi là thú hay thú hướng. Chỉ thú thường gọi là “tông thú”.
- ¹⁹ . Tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Tứ tướng là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Tam thân là Pháp Thân, Hóa Thân, Ứng Thân. Tứ đức là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

-
- ²⁰ . Núi Cửu Hoa nơi ứng tích của Bồ Tát Địa Tạng có chín ngọn, thường được gọi là Phù Dung Cửu Đảnh Sơn hay Phù Dung Cửu Đóa Sơn.
- ²¹ . Đông Lỗ chỉ Nho Giáo, vì Khổng Tử quê ở Khúc Phụ, thuộc đất Lỗ. Tây Càn là Ấn Độ, Trung Hoa xưa thường gọi Ấn Độ là Tây Càn vì Ấn Độ ở phía Tây Trung Hoa. Ở đây, Tây Càn chỉ Phật giáo.
- ²² . Nguyên văn: “lưu nhập cơ cảnh”, ý nói: thiền cơ sắc bén, phản ứng nhanh nhẹn trong mọi hoàn cảnh. Các Thiền Sư hay dùng những “cơ phong” đối đáp nhau chan chát.
- ²³ . Vết cũ cáo hoang (dã hồ khóa cũ): Dã hồ là thân cáo hoang, chồn hoang. “Khóa cũ” là khuôn sáo cũ, vết cũ. Lấy tích vị Tăng thời Ca Diếp vì làm giảng nhân quả, phải mang thân cáo năm trăm kiếp, may nhờ tổ Bách Trượng điểm hóa nên được giải thoát. Thiền giả chấp lý phế sự sẽ dễ mắc đúng ngay lỗi “bác không nhân quả” ấy nên Tổ Linh Phong gọi là “vết cũ cáo hoang”.
- ²⁴ . Tích Phật: Đức Phật thị hiện. Theo giáo nghĩa tông Thiên Thai, chư Phật thị hiện trong một quốc độ nào đó để giáo hóa gọi là Tích Phật, còn báo thân chân thật gọi là Bản Phật. Chẳng hạn, đức Phật Thích Ca thị hiện thành đạo, giáo hóa 40 năm, nhập Niết Bàn, đó là Tích Phật. Còn Bản Phật thì thọ lượng vô lượng vô biên bất khả thuyết, bất khả thuyết.
- ²⁵ . Đoạn này Tổ nhắc đến phẩm Hiện Bảo Tháp trong kinh Pháp Hoa: Chư Bồ Tát chấp tay khai thỉnh Phật mở tháp Đa Bảo, Phật khảy ngón tay, ống khóa vàng khóa cửa tháp tự mở, Phật Đa Bảo hiện toàn thân, ngồi kiết già trong ấy.
- ²⁶ . Sát trần: thuật ngữ kinh Hoa Nghiêm, chỉ số lượng vi trần trong một cõi Phật, dùng để ví với con số không thể tính đếm được. “Châu treo ba cõi”: Châu ở đây là viên Như Ý Châu Bồ Tát thường cầm trong tay. Trong Phật đường thường hay tán thán Địa Tạng Bồ Tát như sau: “Chường ọc minh châu quang bất muội, thủ trung kim tích nạp thiện duyên” (Tay cầm minh châu ánh sáng chẳng mờ tối; tay cầm tích trượng vàng nạp thọ thiện duyên).